

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Anh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM
XÂY DỰNG ĐÁ BẠC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Phương Anh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương Anh

Mã SV: 1012401151

Lớp: QT1405K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Trong đề tài tốt nghiệp này, em tập trung đi sâu tìm hiểu về ba vấn đề, đó là:

- Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp sản xuất
- Tìm hiểu về tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
- Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc .

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các thông tin chung về quá trình hình thành phát triển của công ty.
- Số liệu trên sổ sách kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty.
- Số liệu trên các hóa đơn, chứng từ trong quá trình hoạt động và phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tên công ty: Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Gia Minh - xã Gia Minh - Thủy Nguyên - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....
Học hàm, học vị:.....
Cơ quan công tác:.....
Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....
Học hàm, học vị:.....
Cơ quan công tác:.....
Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.	3
1.1.1. Nguyên vật liệu và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.	3
1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.	3
1.1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.	3
1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.	3
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.	4
1.2. Phân loại nguyên vật liệu và tính giá nguyên vật liệu.	5
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.	5
1.2.1.1. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.	5
1.2.1.2. Phương pháp phân loại nguyên vật liệu.	5
1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.	7
1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.	7
1.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.	8
1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.	12
1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.	12
1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	12
1.3.1.2. Các sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	13
1.3.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	13
1.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	18
1.3.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.	18
1.3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.	18
1.3.2.1.2. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu.	19
1.3.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.	20

1.3.3. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	20
1.3.3.1. Tài khoản sử dụng.....	20
1.3.3.2. Phương pháp hạch toán.....	21
1.3.4. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.....	23
1.3.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
1.3.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	24
1.3.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	26
1.3.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	28
1.3.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC.....	31
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	31
2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	31
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.....	32
2.1.2.1. Chức năng của công ty.....	32
2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty.....	32
2.1.3. Đặc điểm sản phẩm, công nghệ sản xuất.....	32
2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm.....	32
2.1.3.2. Công nghệ sản xuất.....	32
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	34
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc....	35
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	35
2.1.5.2. Hình thức kế toán.....	37
2.1.7. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị cho những năm tới của công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc trong quá trình hoạt động kinh doanh.....	38
2.1.7.1. Những thuận lợi.....	38
2.1.7.2. Những khó khăn.....	39
2.1.7.3. Những kiến nghị của công ty trong những năm sau.....	40
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	40
2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty.....	40
2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty.....	40
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	41

2.2.2. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu, đánh giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	42
2.2.2.1. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu.....	42
2.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty.....	42
2.2.3. Phương pháp xác định giá các yếu tố nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	42
2.2.3.1. Xác định giá thực tế của vật liệu nhập kho.	42
2.2.3.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.	43
2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.	44
2.2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.	44
2.2.4.2. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.	49
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	53
2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	59
2.2.6.1. Tài khoản và sổ sách sử dụng.	59
2.2.6.2. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.	60
2.2.6.3. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.	69
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC	73
3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	73
3.1.1 . Ưu điểm.	73
3.1.2 . Những mặt hạn chế còn tồn tại.	74
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	76
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.	76
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	76
3.2.3. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.....	77
KẾT LUẬN	87

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế thị trường luôn gắn liền với cạnh tranh. Muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách chiến thắng các đối thủ cạnh tranh của mình. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có những hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng những công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng là phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất, sự cần thiết phải tổ chức quản lý nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty; với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường; sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng Tài chính- Kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo, Th.s Trần Thị Thanh Thảo, em đã đi sâu nghiên cứu về đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc”**.

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của khóa luận được chia thành 3 chương :

Chương I: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương II: Tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Chương III: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu rất phức tạp nên bản luận văn này mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em kính mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các anh chị trong phòng Kế toán để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC

KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1.1. Nguyên vật liệu và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.

- Khái niệm: Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là tài sản ngắn hạn và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

- Đặc điểm: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

1.1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Xét về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động.

- Xét về mặt giá trị: Nguyên vật liệu là bộ phận quan trọng của vốn lưu động.

Mặt khác chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm, cho nên cần phải tăng cường công tác kế toán nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ nhằm sử dụng nguyên vật liệu một cách khoa học và có hiệu quả.

1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất việc quản lý nguyên vật liệu đòi hỏi phải chặt chẽ, khoa học ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng. Cụ thể:

- **Khâu thu mua:** Để quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường thì doanh nghiệp phải thường xuyên đảm bảo cho các loại nguyên vật liệu được thu mua đủ khối lượng, đúng quy cách, chủng loại. Kế hoạch thu mua đúng tiến độ phù hợp với kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời,

doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua để từ đó chọn nguồn mua đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả và chi phí thu mua thấp nhất.

- **Khâu bảo quản:** Tổ chức bảo quản nguyên vật liệu phải quan tâm tới việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, tránh hư hỏng mất mát, hao hụt đảm bảo an toàn là một trong những yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.

- **Khâu dự trữ:** Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của nguyên vật liệu, hạn chế nguyên vật liệu bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh là một đòi hỏi đối với khâu dự trữ. Do đó, doanh nghiệp phải xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn do việc cung cấp, thu mua không kịp thời hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do việc dự trữ quá nhiều.

- **Khâu sử dụng:** Quản lý ở khâu sử dụng phải thực hiện việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí, tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy, ở khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Như vậy, công tác quản lý vật liệu rất quan trọng. Trong thực tế vẫn còn có nhiều doanh nghiệp để thất thoát nguyên vật liệu do không có sự quản lý tốt ở các khâu hoặc không thực hiện đúng yêu cầu. Vậy nên, để quản lý tốt nguyên vật liệu thì doanh nghiệp phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc phân loại, đánh giá vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình biến động tăng, giảm của vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định trị giá vốn hàng bán

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật liệu, kế hoạch sử dụng vật liệu cho sản xuất và kế hoạch bán hàng.

Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là rất cần thiết do vậy doanh nghiệp cần phải tổ chức khoa học hợp lý để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

1.2. Phân loại nguyên vật liệu và tính giá nguyên vật liệu.

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.

1.2.1.1. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.

- Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải sử dụng rất nhiều loại, thứ nguyên vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa khác nhau. Khi tổ chức hạch toán chi tiết đối với từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị, doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Mỗi doanh nghiệp nên sử dụng những loại nguyên vật liệu khác nhau và sự phân chia cũng khác nhau theo từng tiêu thức nhất định.

- Phân loại nguyên vật liệu là việc phân chia nguyên vật liệu của doanh nghiệp thành các loại các nhóm theo tiêu thức phân loại nhất định.

1.2.1.2. Phương pháp phân loại nguyên vật liệu.

Thứ nhất: Căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy, khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng Doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các Doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất và chế tạo ra sản phẩm.

-Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.

- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh như: xăng, dầu ... tạo điều kiện cho quá trình chế tạo

sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, thiết bị không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất như sắt, thép, gỗ vụn hay phế liệu thu hồi được từ việc thanh lý tài sản cố định.

Tác dụng: Cách phân loại này là cơ sở để xây dựng định mức tiêu hao cho từng loại , từng thứ nguyên vật liệu và cũng là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Thứ hai: Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu, chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công.
- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: nhận góp vốn, cấp phát, tài trợ, biếu tặng

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng kế hoạch, tìm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu sao cho có hiệu quả nhất.

Thứ ba: Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:
 - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
 - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
 - + Nhượng bán;
 - + Đem góp vốn liên doanh;
 - + Đem quyên tặng;

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xác định trọng tâm cần phải quản lý những loại nguyên vật liệu nào .

Ngoài các cách phân loại vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật liệu.

Lập danh điểm vật liệu là quy định cho mỗi thứ vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (Kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng doanh nghiệp, hệ thống danh điểm vật tư có thể được xây dựng theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Thông thường hay dùng ký hiệu tài khoản cấp 1, tài khoản cấp 2 để ký hiệu loại, nhóm vật liệu kết hợp với chữ cái tên vật tư để ký hiệu tên vật tư.

Danh điểm vật tư được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất trong quản lý từng thứ vật tư.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.

1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

- Nguyên tắc giá gốc: Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Nguyên tắc thận trọng: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

1.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.

Thứ nhất: Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Vật liệu trong doanh nghiệp được đánh giá theo trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho. Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá trị của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

- Nhập kho do mua ngoài:

+ Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư, trừ đi các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán do không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

+ Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng không chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng cho các mục đích phúc lợi, các dự án... thì giá mua đã bao gồm cả thuế GTGT (là tổng giá thanh toán).

- Nhập kho do tự sản xuất: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá thành sản xuất của nguyên vật liệu tự sản xuất chế biến.

- Nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến: Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho thuê ngoài gia công cộng số tiền phải trả cho người nhận gia công chế biến cộng các chi phí vận chuyển bốc dỡ khi giao nhận.

- Nhập vật tư do nhận vốn góp liên doanh: Trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho là giá do hội đồng liên doanh thoả thuận cộng các chi phí phát sinh khi nhận.

- Nhập vật tư do được cấp: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí phát sinh khi nhập.

- Nhập vật tư do được biếu tặng, được tài trợ: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí khác phát sinh.

Thứ hai: Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Về nguyên tắc hàng nhập kho theo giá nào thì xuất kho theo giá đó. Nhưng nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Tùy theo đặc điểm, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà doanh nghiệp sẽ áp dụng một trong 4 phương pháp được quy định trong chuẩn mực hàng tồn kho (chuẩn mực số 02) để xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, giá trị của từng loại nguyên vật liệu tương đối lớn có thể nhận diện được từng lô hàng.

+ Ưu điểm: Công tác tính giá NVL được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL.

+ Nhược điểm: Áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế vật liệu xuất kho} = \text{Số lượng vật liệu xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Đơn giá bình quân gia quyền có thể tính theo một trong hai cách sau:

+ Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính

toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

+ Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập hoặc tính vào thời điểm trước mỗi lần xuất được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động.

$$\begin{array}{r} \text{ĐGBQ} \\ \text{sau mỗi lần} \\ \text{nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Trị giá nguyên vật liệu} \\ \text{tồn kho mỗi lần nhập} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá nguyên} \\ \text{vật liệu nhập kho} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng nguyên vật} \\ \text{liệu tồn kho mỗi lần} \\ \text{nhập} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tổng lượng} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array}}$$

Cách tính này xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho hàng ngày, nên có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này áp dụng ở những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, số lần nhập xuất kho nguyên vật liệu không nhiều.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật tư nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

+ Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật tư. Trong trường hợp giá cả của vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

- Phương pháp giá hạch toán.

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và nhiều khi không thực hiện được. Do đó, việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Giá hạch toán là loại giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng trong thời gian dài để hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán. Sử dụng giá hạch toán để giảm bớt khối lượng cho công tác kế toán nhập xuất hàng ngày nhưng cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\begin{array}{r} \text{Hệ số giá} \\ \text{nguyên liệu,} \\ \text{vật liệu} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Trị giá nguyên vật liệu} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá nguyên} \\ \text{vật liệu nhập kho} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Trị giá hạch toán vật tư} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá hạch toán} \\ \text{vật tư nhập kho} \end{array}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

Trị giá thực tế hàng xuất = Hệ số giá × Trị giá hạch toán của hàng xuất kho

Trị giá thực tế hàng tồn cuối kỳ = Hệ số giá × Trị giá hạch toán của hàng tồn cuối kỳ

Phương pháp hệ số giá cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp về hàng trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng do chỉ phải theo dõi biến động của hàng cùng với một mức giá và đến cuối kỳ mới điều chỉnh và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm hàng, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít. Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao.

1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.**1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.**

- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm, thứ vật tư về số lượng và giá trị.

- Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu phù hợp để tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất vật liệu đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- Hoá đơn GTGT- MS 01 GTKT- LN
- Hoá đơn bán hàng mẫu 02 GTKT- LN
- Hoá đơn cước vận chuyển (Mẫu 03-BH)

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

- Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian hợp lý do kế toán trưởng ở đơn vị quy định, nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

1.3.1.2. Các sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sổ kế toán chi tiết phục vụ cho việc hạch toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến đối tượng kế toán cần hạch toán chi tiết. Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết như sau:

- Thẻ kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu.
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên, còn có thể sử dụng các bảng kê nhập, xuất, các bảng lũy kế tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

1.3.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Thứ nhất: Phương pháp ghi thẻ song song.

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Danh điểm vật tư là mã số chi tiết cho từng loại vật tư.

Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi các chứng từ nhập - xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập - xuất cho từng thứ vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

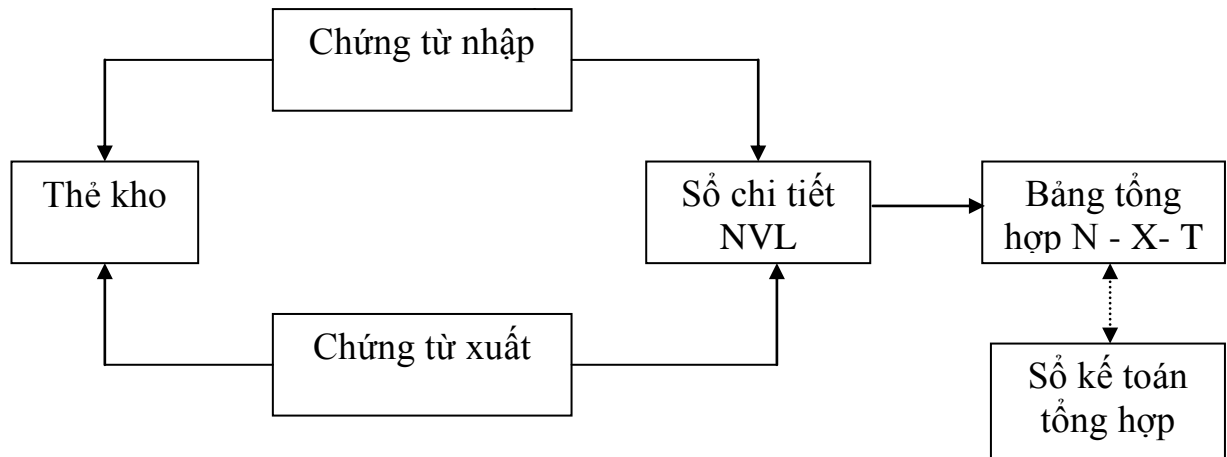
Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó tiến hành đối chiếu:

- + Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp chi tiết vật liệu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
- + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Có thể khái quát nội dung, trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....> Kiểm tra, đối chiếu

- Ưu điểm: Phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu.

- Nhược điểm:

+ Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư).

+ Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng.

- Điều kiện áp dụng:

+ Đối với kế toán thủ công: Thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên.

+ Đối với doanh nghiệp ứng dụng phần mềm kế toán: Áp dụng rộng rãi cho các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có chủng loại vật tư nhiều, các nghiệp vụ kế toán nhập, xuất thường xuyên.

Thứ hai: Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

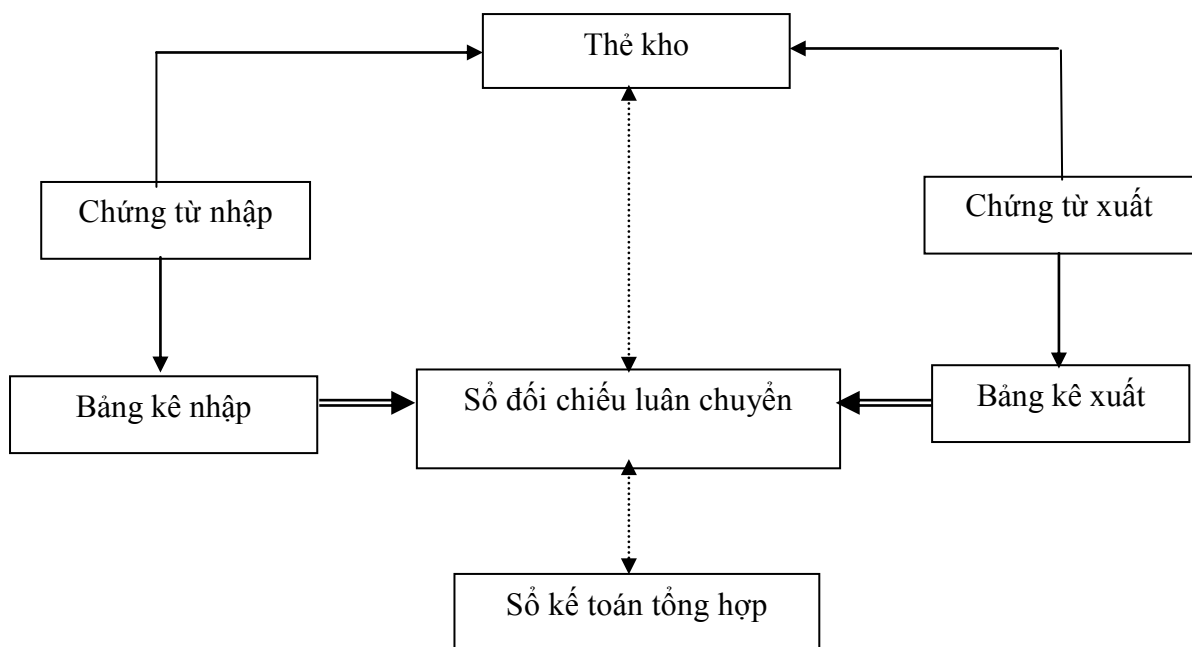
+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng “Sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. “Sổ đối chiếu luân chuyển” được mở cho cả năm và được ghi vào cuối tháng, mỗi thứ vật tư được ghi một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập - xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng thứ vật tư, danh mục vật tư chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng. Hoặc kế toán có thể lập “bảng kê nhập”, “bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê) để ghi vào “Sổ đối chiếu luân chuyển” cột luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Đồng thời, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với các số liệu trên thẻ kho và trên sổ kế toán tài chính liên quan (nếu cần).

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ đối luân chuyển



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-.-.-> Kiểm tra, đối chiếu

- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm:

+ Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

+ Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế việc kiểm tra của phòng kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập, xuất hàng ngày. Phương pháp này thường được áp dụng ít trong thực tế.

Thứ ba: Phương pháp ghi sổ số dư.

- Nội dung:

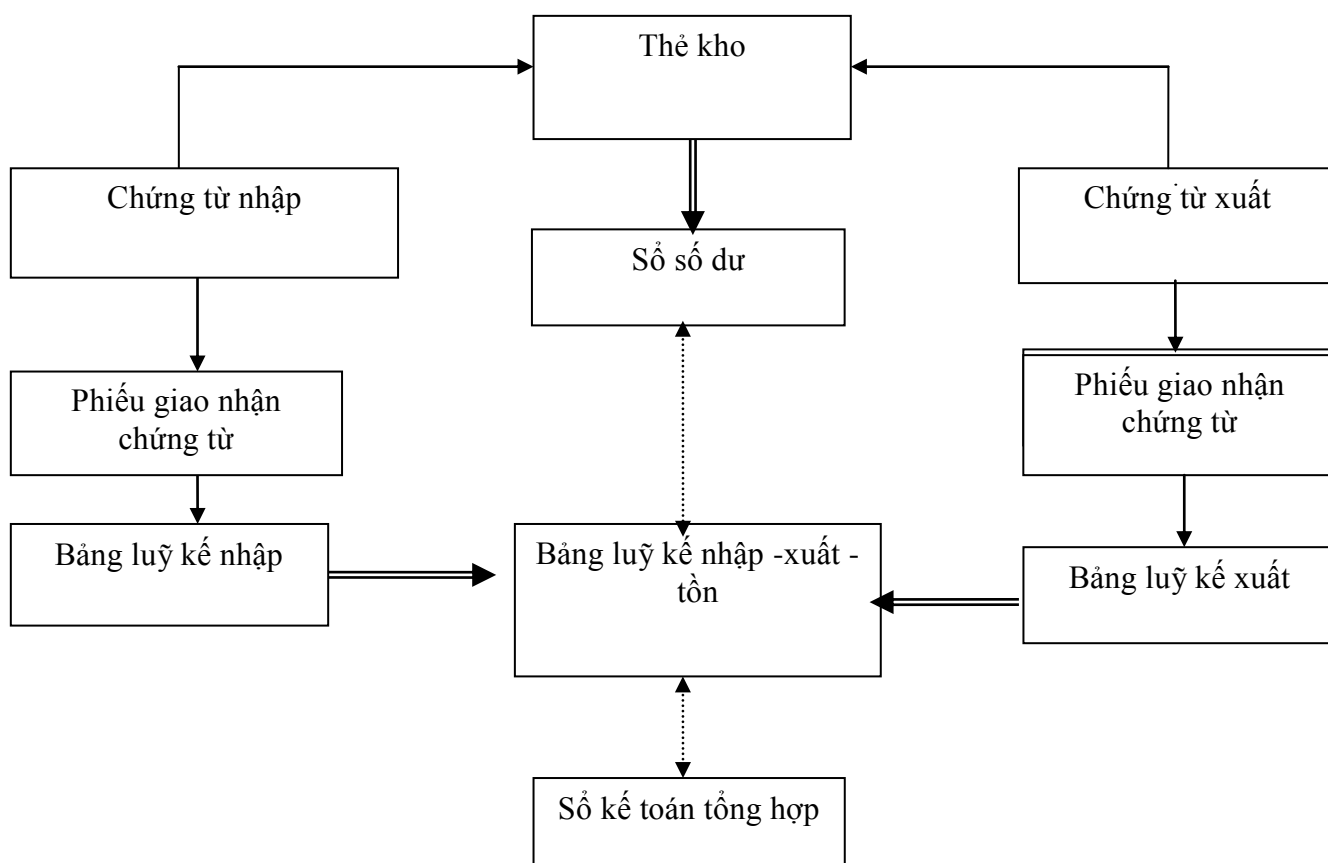
+ Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép giống như hai phương pháp ghi trên. Đồng thời cuối tháng, thủ kho còn ghi vào “sổ số dư” số lượng tồn kho cuối tháng của từng thứ nguyên vật liệu.

Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm. Trên sổ số dư nguyên vật liệu được xếp theo thứ, nhóm, loại. Sau mỗi nhóm, loại có dòng cộng nhóm, cộng loại. Cuối tháng, sổ số dư được chuyển cho thủ kho ghi chép.

+ Ở phòng kế toán: Mở bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất. Cuối tháng, căn cứ vào các bảng kê này để cộng tổng số tiền theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào bảng lũy kế nhập - xuất - tồn. Đối chiếu số liệu trên bảng lũy kế nhập - xuất - tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Kiểm tra, đối chiếu

- Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chi tiêu tiền của nguyên vật liệu theo nhóm và theo loại.

Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho. Công việc được dàn đều trong tháng.

- Nhược điểm: Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ nguyên vật liệu nên phải căn cứ vào thẻ kho thì mới có được số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn của từng thứ nguyên vật liệu.

- Điều kiện áp dụng: Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại nguyên vật liệu, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hợp lý.

1.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán.

Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hoá. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng trong các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

1.3.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

1.3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu, kế toán sử dụng :

- **Tài khoản 152 " Nguyên liệu vật liệu"**: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

TK 152 có thể được mở theo dõi chi tiết các TK cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Bao gồm:

- TK 1521 - Nguyên vật liệu chính
- TK 1522 - Vật liệu phụ
- TK 1523 - Nhiên liệu
- TK 1524 - Phụ tùng thay thế
- TK 1525 - Thiết bị xây dựng cơ bản
- TK 1528 - Vật liệu khác

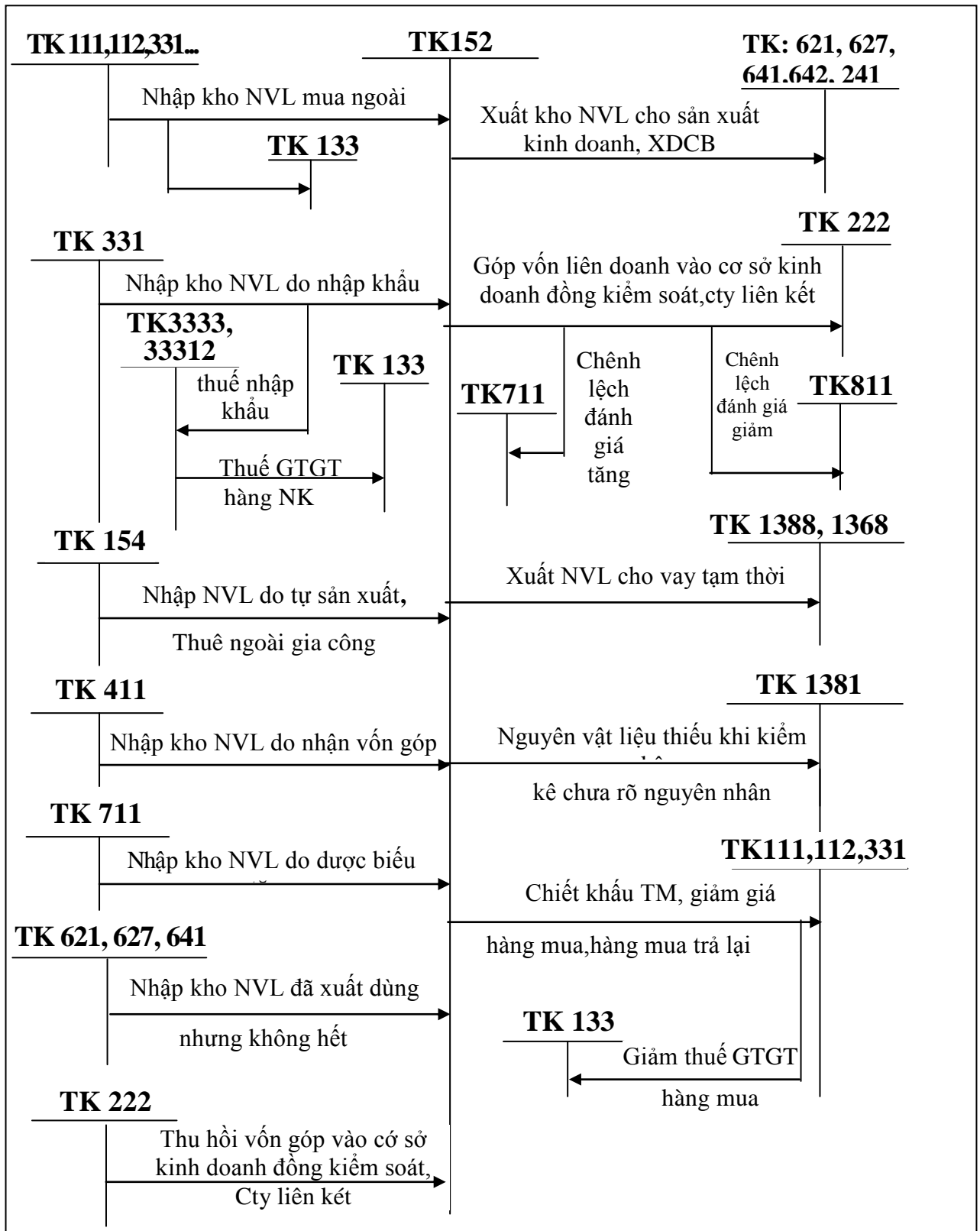
- **Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường"**: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hoá mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Ngoài các tài khoản trên, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 141, TK 331, TK 411, TK621, TK 627

1.3.2.1.2. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).



1.3.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Về cơ bản các nghiệp vụ liên quan tới tăng, giảm nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ có một điểm khác đó là:

- Trong giá hàng mua đã có cả thuế GTGT đầu vào, vì vậy kế toán không còn sử dụng tài khoản 133.

- Trong giá hàng bán có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản 3331(chỉ tới cuối kỳ sau khi xác định được số tiền thuế GTGT phải nộp kế toán mới sử dụng tài khoản 3331 để phản ánh định khoản).

1.3.3. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{Tổng giá trị hàng} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{nhập kho trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{matrix}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hoá (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hoá mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản riêng: TK 611 "Mua hàng".

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hoá xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK 611 "Mua hàng".

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

1.3.3.1. Tài khoản sử dụng.

- **Tài khoản 611 "Mua hàng"**: Tài khoản này sử dụng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611:

+ Bên Nợ:

Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại...

+ Bên Có:

Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).

Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu":** Dùng để phản ánh thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

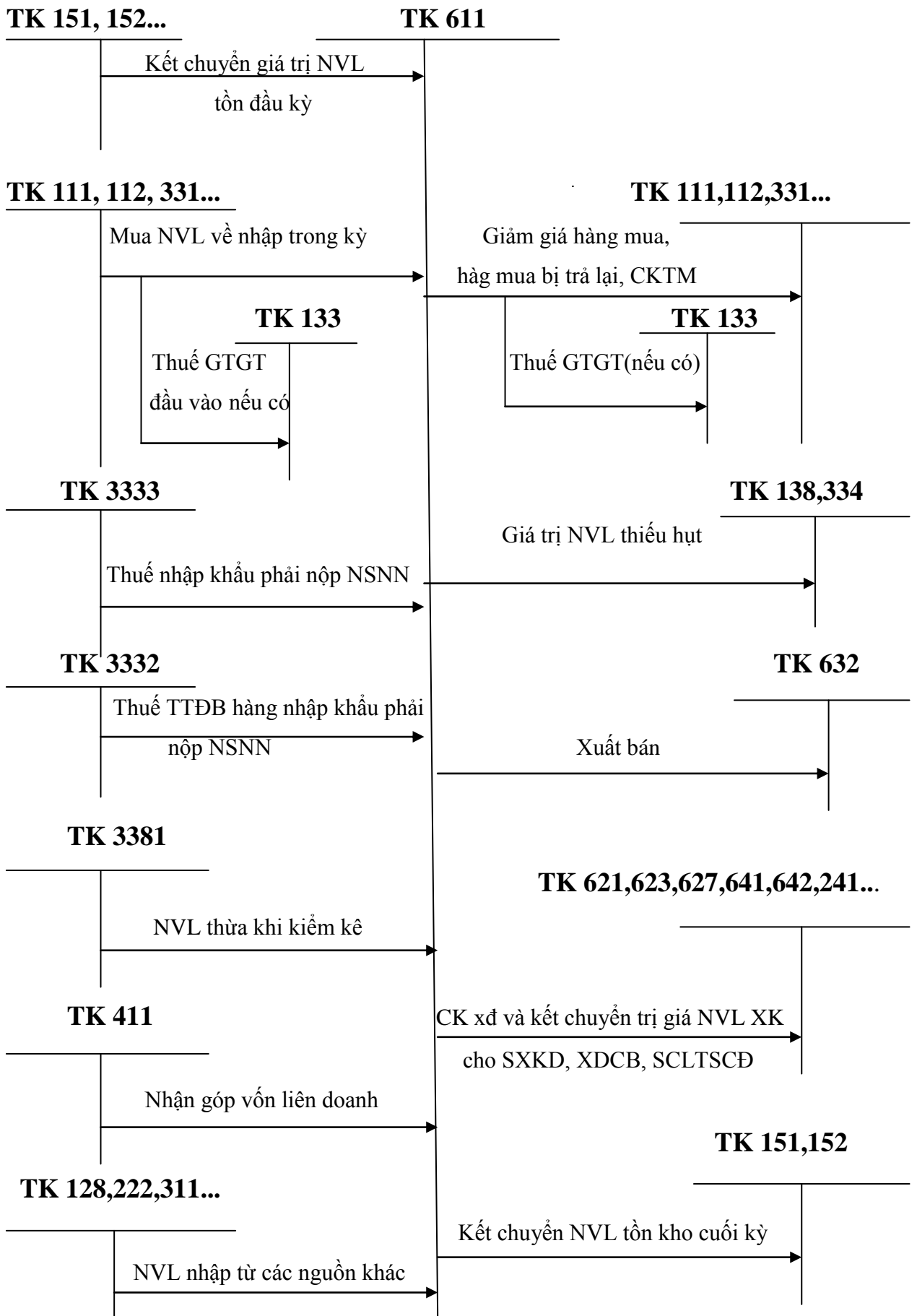
- Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường"

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 331...

1.3.3.2. Phương pháp hạch toán.

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được mô tả theo sơ đồ:

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.3.4. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

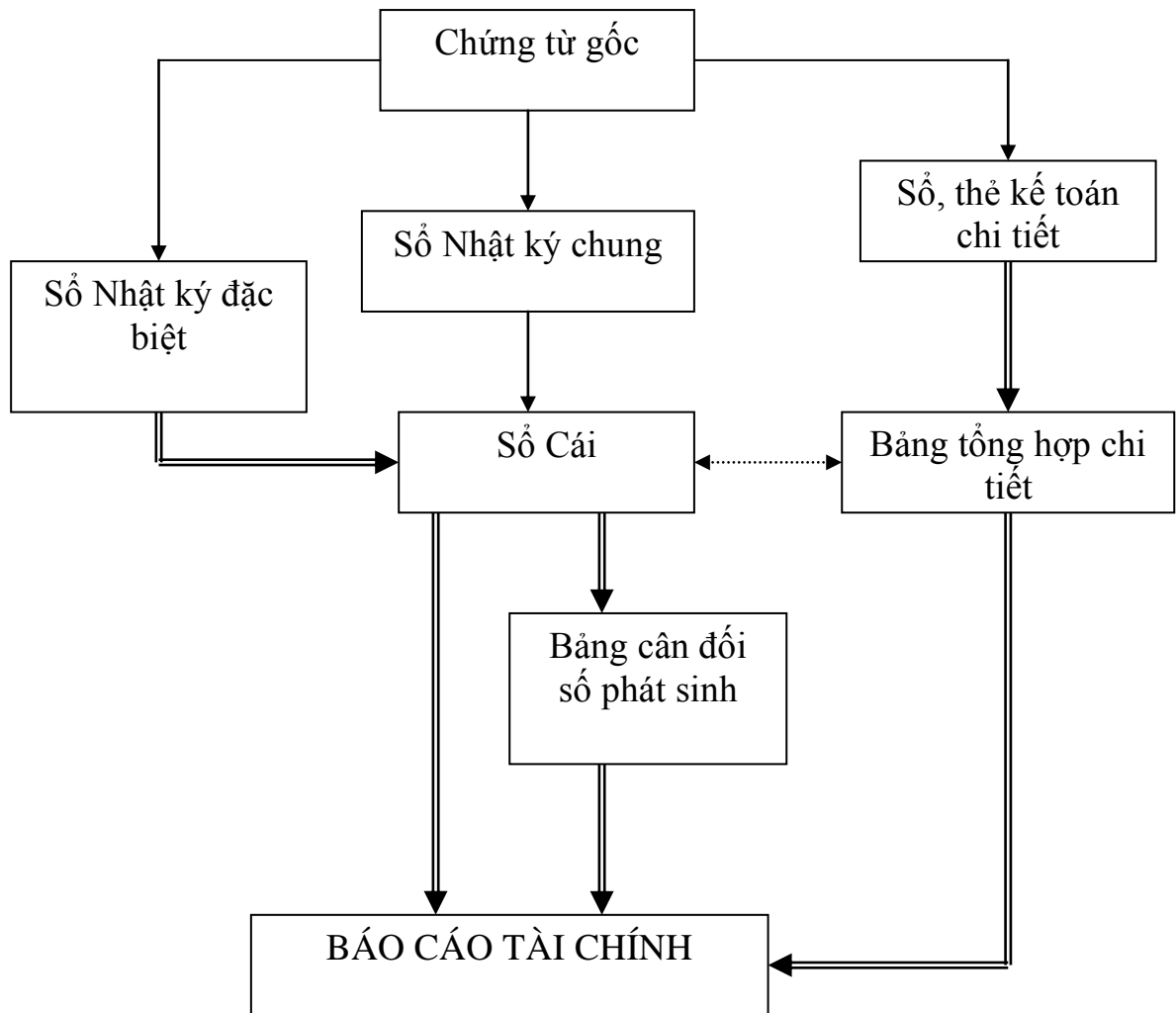
1.3.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Nguyên tắc, đặc điểm: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung đó là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó, lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
- + Sổ Cái;
- + Các sổ thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-.-> Kiểm tra, đối chiếu

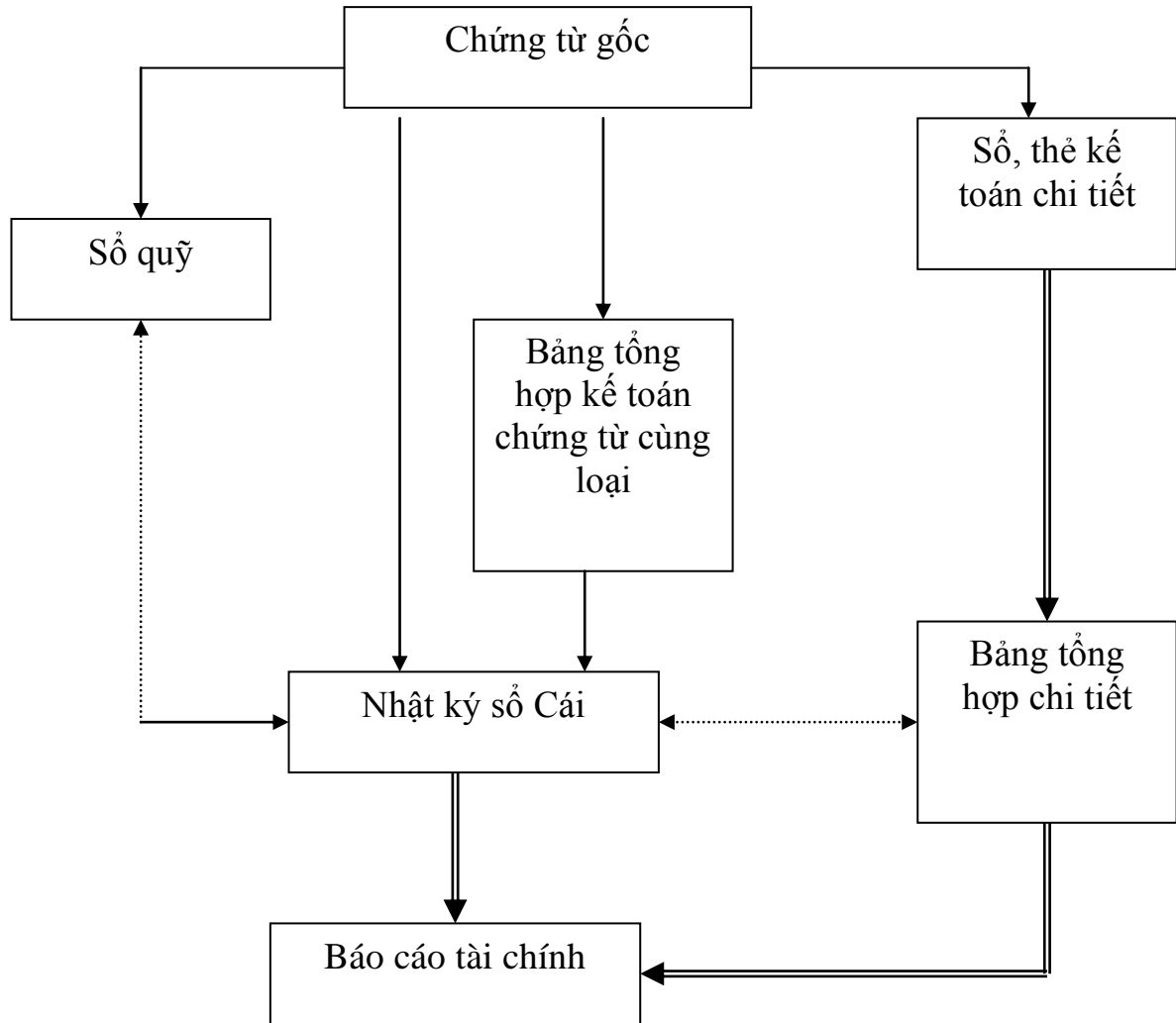
1.3.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.

- Đặc điểm: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái đó là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm các loại sổ sau:

- + Nhật ký - Sổ Cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Kiểm tra, đối chiếu

1.3.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

- Đặc điểm: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ đó là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp đó là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ Cái.

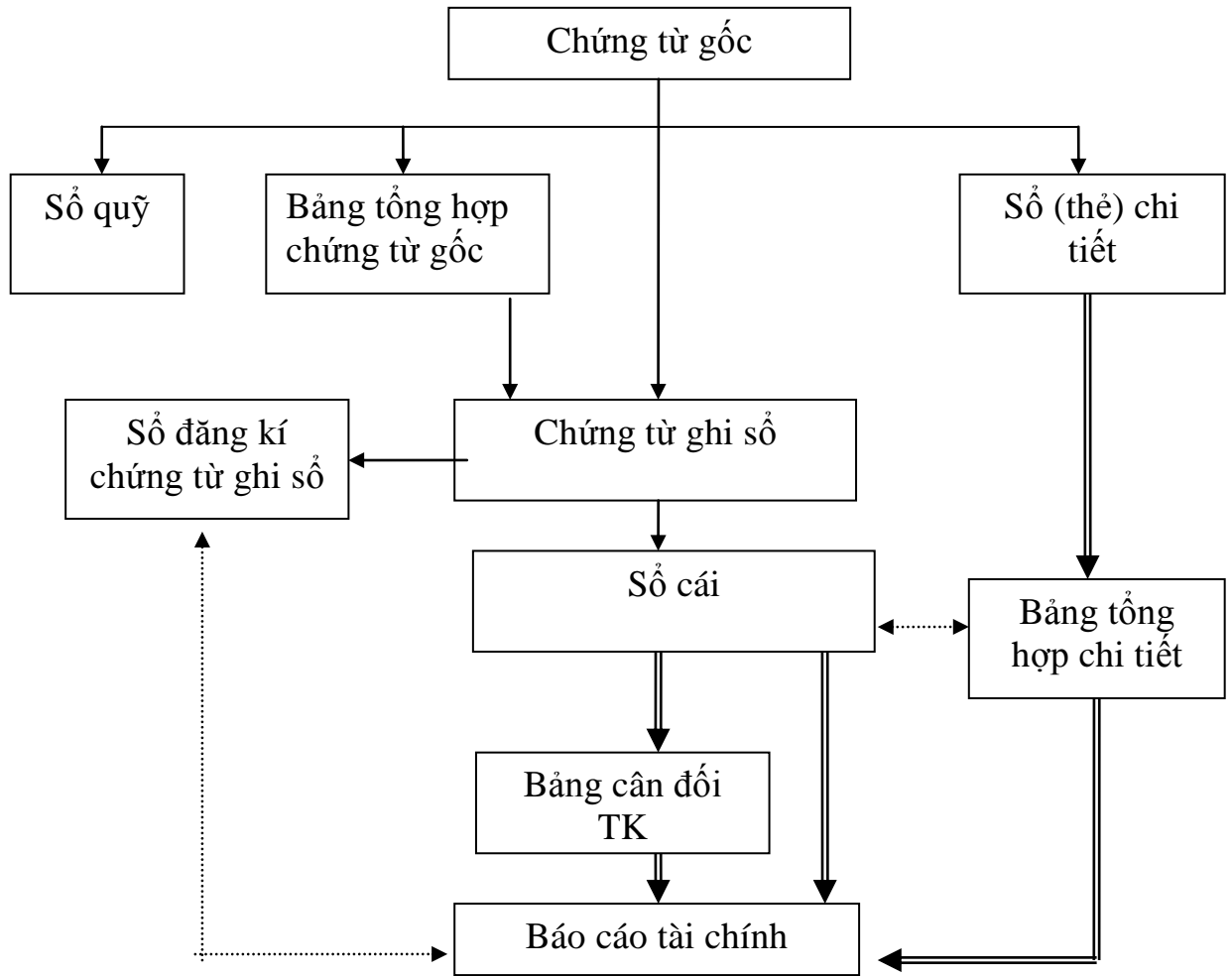
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ;
 - + Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - + Sổ Cái;
 - + Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

1.3.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

- Đặc điểm:

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

+ Nhật ký chứng từ;

+ Bảng kê;

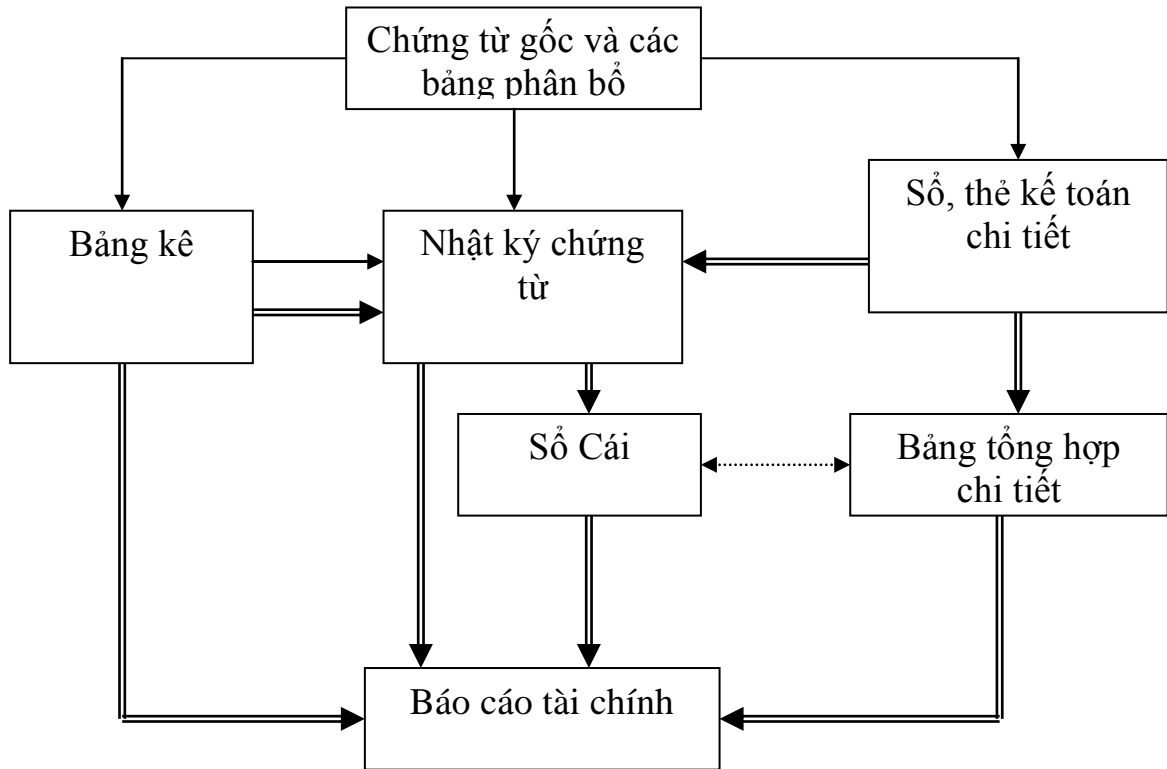
+ Sổ Cái;

+ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán

Nhật ký - Chứng từ.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

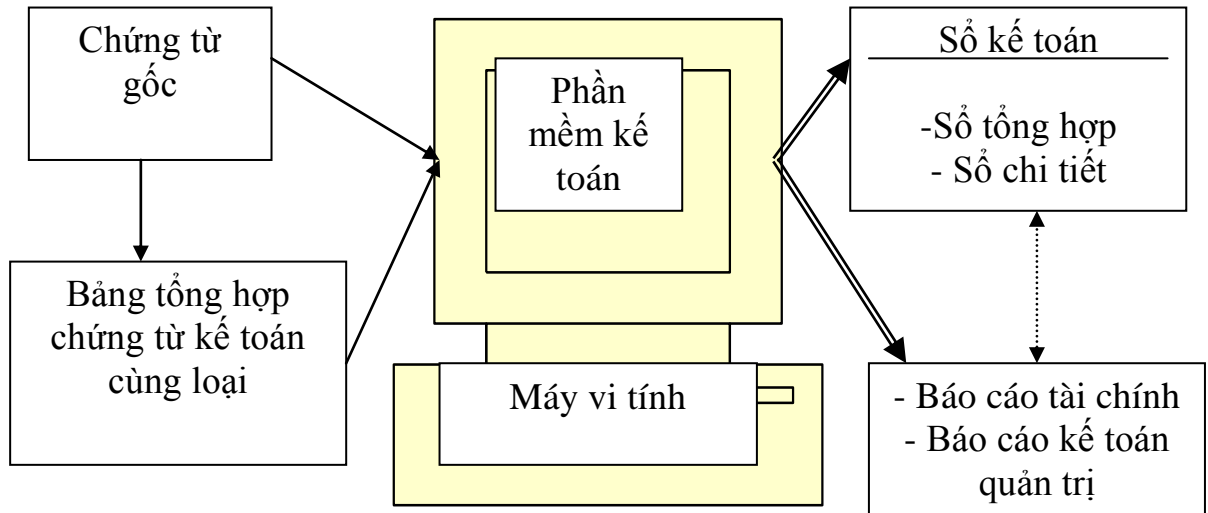
1.3.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

- Đặc điểm: Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ⋯⋯⋯<—> Kiểm tra, đối chiếu

CHƯƠNG 2

**TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH GỐM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC.**

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp xã Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200774804
- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Ngày 10 tháng 12 năm 2007 Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc chính thức thành lập theo giấy phép số 095 GP/TLDN do UBND.TP Hải Phòng cấp. Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, ngành nghề kinh doanh của công ty được quy định như sau:

- Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất gốm xây dựng; hiện tại là các sản phẩm gạch 2 lỗ, gạch 6 lỗ, gạch 4 lỗ, gạch lát nền (gạch đỏ), và ngói.
- Ngành phụ kinh doanh như: vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa xây dựng và dịch vụ tư vấn công trình dân dụng và khu công nghiệp.

Tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Techcombank tại Hải Phòng.

Những ngày đầu mới thành lập, với số vốn điều lệ không nhiều, máy móc trang thiết bị còn hạn chế, nhưng bằng sự nỗ lực không ngừng, dưới sự lãnh đạo, điều hành của giám đốc, 06 cán bộ công nhân viên công ty đã không ngừng phấn đấu vươn lên, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, mạnh dạn đổi mới công nghệ, mở rộng kinh doanh tìm kiếm thị trường. Cũng vì lẽ đó mà thị phần của công ty ngày càng lớn, hoạt động kinh doanh ngày càng có hiệu quả, đời sống của cán bộ công nhân viên công ty cũng được cải thiện và nâng cao hơn trước.

Tóm lại, với những kết quả kinh doanh đáng khích lệ như trên, công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc đã bảo toàn và sử dụng tốt nguồn vốn của mình, đảm bảo thu nhập cho đơn vị và cho người lao động, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội mà công ty đã đặt ra.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

2.1.2.1. Chức năng của công ty.

Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh như:

- Ngành nghề chính là sản xuất gốm xây dựng, hiện tại là các sản phẩm: Gạch 2 lỗ, gạch 6 lỗ, gạch 6 lỗ nửa (một nửa gạch 6 lỗ), gạch 3 lỗ chống nóng, gạch 4 lỗ, ngói,...

- Ngành nghề phụ như kinh doanh vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa xây dựng và dịch vụ tư vấn công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng như cát, sỏi, đất, đất sét,...

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty.

Do ngành nghề kinh doanh là gốm XD nên công ty có nhiệm vụ cung cấp cho thị trường những sản phẩm gốm xây dựng có chất lượng tốt, làm hài lòng khách hàng và ngày càng đáp ứng được nhu cầu thị trường. Là một doanh nghiệp mới ra đời và phát triển trong 3 năm nhưng công ty không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần xây dựng những công trình dân dụng và công nghiệp cho Hải Phòng và một số tỉnh lân cận như: Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định,...

2.1.3. Đặc điểm sản phẩm, công nghệ sản xuất.

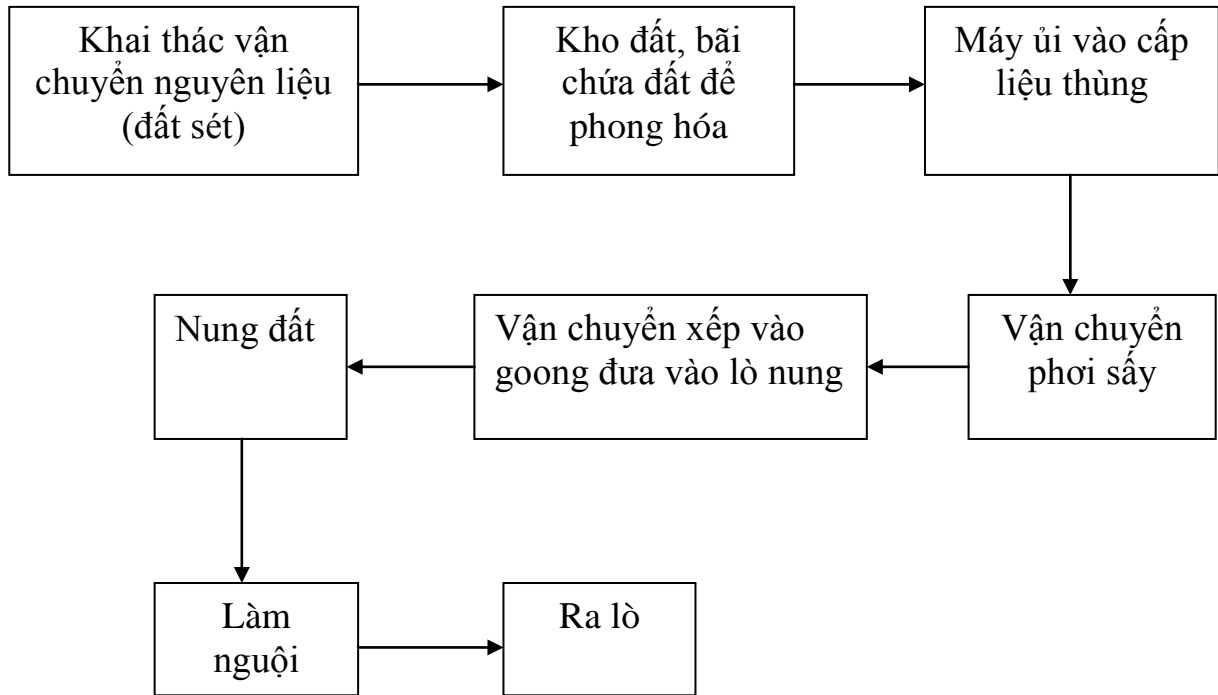
2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm.

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc bao gồm các sản phẩm: Gạch (gạch 6 lỗ, 6 lỗ nửa, 4 lỗ, 2 lỗ), ngói (ngói trang trí), gạch lát nền (gạch đỏ).

2.1.3.2. Công nghệ sản xuất.

Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc trải qua nhiều giai đoạn khác nhau thể hiện qua sơ đồ:

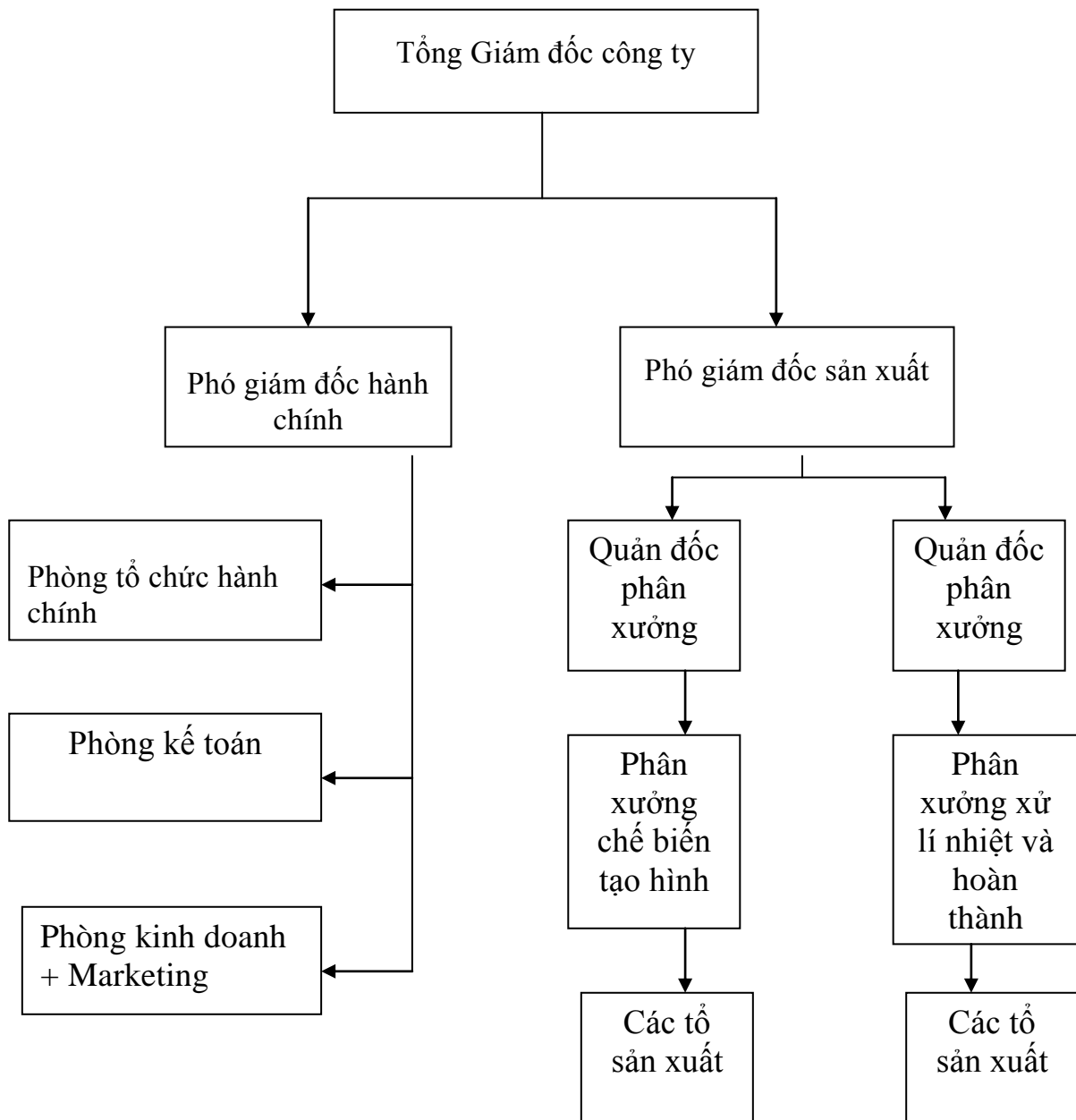
Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ và sản xuất của công ty TNHH Gốm Xây dựng Đá Bạc



2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty nên công ty có cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng – quan hệ chỉ đạo từ trên xuống dưới.

Sơ đồ 2.2. Bộ máy quản lý của công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc



+ **Tổng Giám đốc công ty:** Là đại diện pháp nhân của công ty trước Pháp luật và là người điều hành cao nhất của công ty, đại diện cho quyền lợi của toàn bộ công nhân viên, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

+ **Phó Giám đốc sản xuất (PGĐ SX):** Là người chịu trách nhiệm quản lý theo dõi việc sản xuất sản phẩm, theo dõi kiểm tra chất lượng gạch ngói sau khi ra lò. Đồng thời phụ trách việc hoạch định và thực hiện chính sách chất lượng.

+ **Phó Giám đốc hành chính (PGĐ HC):** Là người tham mưu cho giám đốc công ty về bộ máy SXKD và bố trí nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.

+ **Các quản đốc phân xưởng:**

Có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra công nhân trong từng phân xưởng làm việc theo dây chuyền sản xuất.

Gồm:

- Quản đốc phân xưởng Cơ điện và Chế biến tạo hình
- Quản đốc phân xưởng Xếp đốt và phân loại sản phẩm

+ **Phòng Tổ chức hành chính:** Quản lý lao động tiền lương và thanh tra, bảo vệ, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến người lao động, tiếp nhận công nhân viên và ký hợp đồng lao động.

+ **Phòng kế toán:** Thực hiện chức năng tham mưu cho giám đốc trong công tác tài chính và quản lý kinh tế của công ty, giúp giám đốc tổ chức và chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thông tin kinh tế tài chính trong phạm vi toàn công ty. Phản ánh và giám sát chi phí giá thành, thu hồi tiền, thu hồi công nợ, đôn đốc khách hàng thanh toán đầy đủ, tránh hiện tượng chiếm dụng vốn. Thông tin chính xác về giá vốn hàng hóa tiêu thụ.

+ **Phòng kinh doanh và Marketing:** Là cơ quan chuyên môn, có chức năng tham mưu giúp giám đốc về các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh và quản lý chất lượng hàng hóa của công ty. Thực hiện việc mua bán mà công ty giao cho bao gồm cả việc tìm kiếm thị trường đầu vào và đầu ra cho hoạt động kinh doanh của công ty.

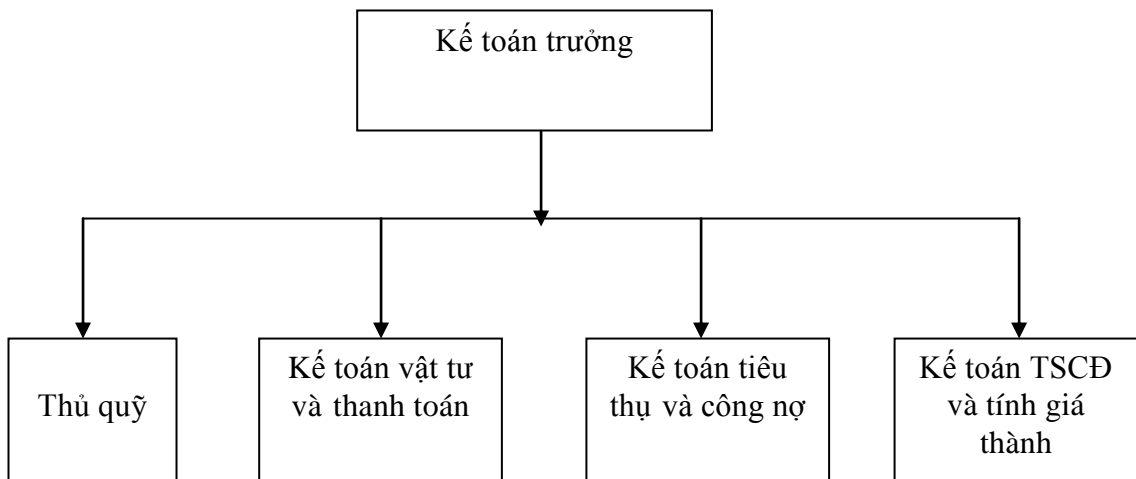
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công tác kế toán do các nhân viên trong phòng kế toán thực hiện bao gồm các công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính, lập báo cáo kế toán, phân tích thông tin đề xuất phương án.

Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức kế toán tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá

Bạc:



- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng, kế toán trưởng kiêm kế toán tiền lương và kế toán tổng hợp, có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi chung tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, BHTN ...với các cán bộ công nhân trong toàn công ty, đồng thời tổng hợp số liệu, giám sát đơn đốc kế toán phân hành. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho mọi hoạt động tương lai của công ty.

- Kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán: Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán đối với nhà cung cấp.

- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

- Kế toán tài sản cố định kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Các tài khoản sử dụng: TK 221, TK 213, TK 621, TK 622, TK 627...

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2. Hình thức kế toán.

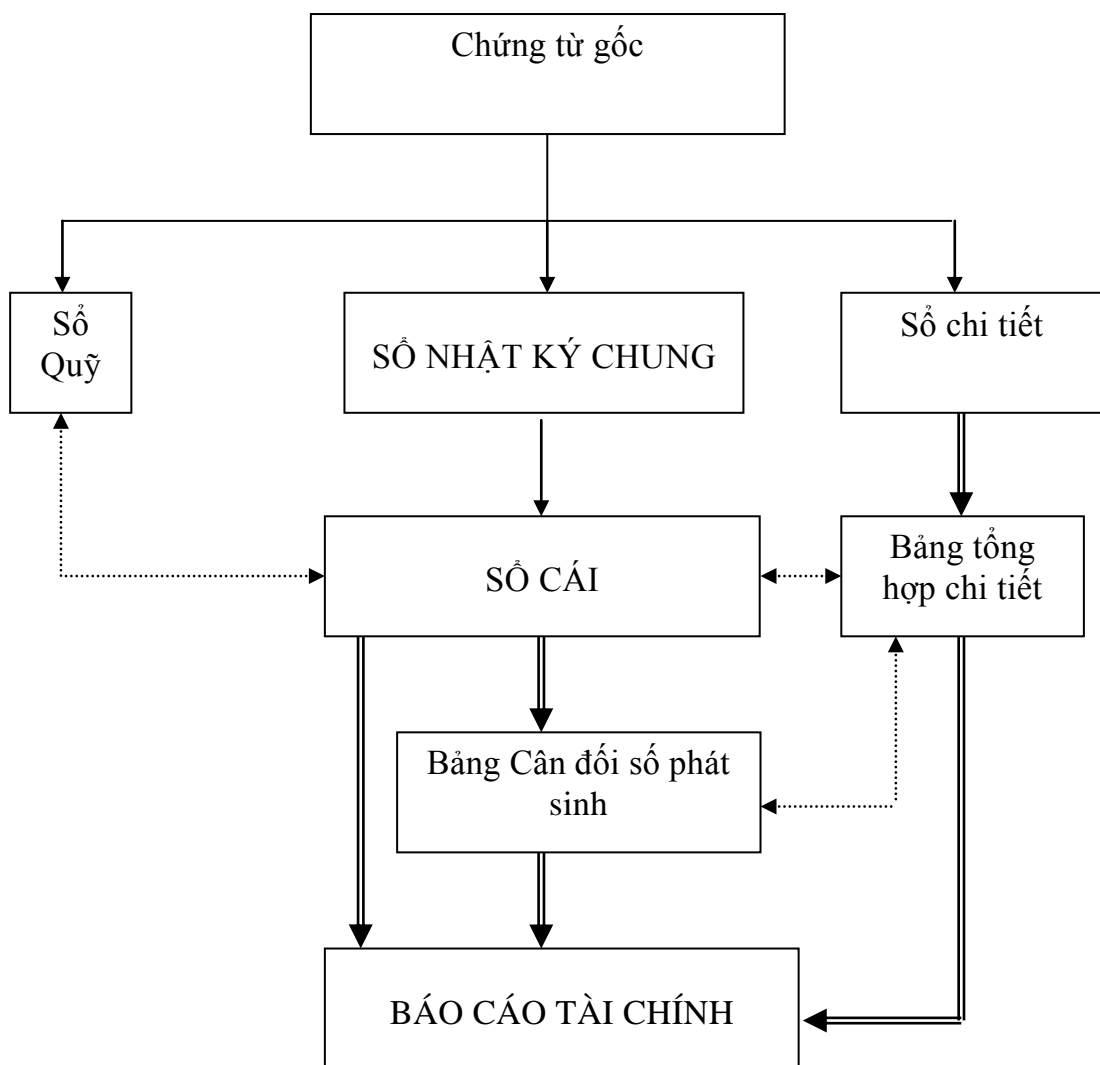
Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc đã lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



- Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- * Giải thích trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:
 - Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tiến hành phân loại lập định khoản; kế toán lập Sổ quỹ, Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết của các tài khoản có liên quan và các chứng từ có liên quan. Từ Sổ nhật ký chung lập sổ cái cho từng tài khoản.
 - Cuối tháng, căn cứ vào số liệu Sổ chi tiết kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết; dựa vào Sổ cái lập Bảng Cân đối SPS.
 - Cuối tháng kế toán đối chiếu số liệu giữa các sổ của các tài khoản có liên quan.
 - Cuối quý, căn cứ vào Sổ cái, Bảng Cân đối SPS, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.
- * *Phương pháp tính thuế GTGT* áp dụng tại công ty là phương pháp khấu trừ thuế.
- * *Phương pháp kế toán hàng tồn kho*: phương pháp kê khai thường xuyên.
- * *Phương pháp tính giá hàng tồn kho*: phương pháp bình quân gia quyền cả kì.
- * *Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định*: phương pháp khấu hao đều
- * *Niên độ kế toán*: Theo năm tính từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 .
- * *Đơn vị tiền hạch toán*: Đồng Việt Nam.
- * Chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán áp dụng theo quyết định số 15/2006-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006.

2.1.7. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị cho những năm tới của công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.1.7.1. Những thuận lợi.

- Là doanh nghiệp đang trên những bước phát triển nên việc ứng dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất dễ dàng. Đó là việc nhập máy móc, dây chuyền sản xuất của Ukraina có công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới, sản xuất với sản lượng nhiều, chất lượng tốt, phù hợp với yêu cầu thị trường vật liệu xây dựng ở Việt Nam.

- Với sản phẩm gạch nung, gốm xây dựng từ đất sét sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến đã xóa bỏ được những lò thủ công cũ gây tác hại

nhieu đến môi trường, cung ứng cho thị trường những vật liệu xây dựng uy tín chất lượng.

- Ban chỉ đạo huyện Thủy Nguyên cũng như chính quyền địa phương xã Gia Minh đã tạo điều kiện cho công ty phát triển sản phẩm và mở rộng quy mô sản xuất, do đó đã có những chính sách khuyến khích cho sự phát triển chung của cụm công nghiệp mới xã Gia Minh.

- Phần lớn những công trình dân dụng và công nghiệp ở nước ta vẫn chưa kiên cố và vững chắc; đồng thời trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, nhu cầu xây sửa nhà cửa, công trình trong nhiều năm tới còn tăng cao, là cơ sở cho sản xuất của công ty tiếp tục phát triển và mở rộng quy mô hơn.

- Công ty có đội ngũ lãnh đạo trẻ, năng động, sáng tạo; đội ngũ công nhân có sức khỏe và tay nghề, tất cả đều nhiệt tình, hăng hái tham gia lao động sản xuất.

Chính nhờ những điều đó công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc ngày càng lớn mạnh và phát triển.

2.1.7.2. Những khó khăn.

Bất cứ một công ty nào khi mới đi vào sản xuất kinh doanh cũng gặp phải những khó khăn nhất định, công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc cũng không thể tránh khỏi nhiều khó khăn:

- Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc sản xuất các sản phẩm là vật liệu xây dựng, đây là doanh nghiệp mới hình thành và phát triển được 6 năm nên gia nhập ngành còn chịu nhiều áp lực từ các đối thủ cạnh tranh, đó là các doanh nghiệp lâu năm có uy tín: Gạch ngói Hạ Long, Hưng Yên, Hải Dương,... Với hơn 100 đại lý nhưng thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty chưa nhiều.

- Sản xuất gạch nung phải gắn liền với khai thác nguyên vật liệu đất sét, than, xỉ,... nên điều kiện tự nhiên ảnh hưởng rất lớn. Nếu thời tiết xấu, đặc biệt là mưa, gió, bão sẽ gây trở ngại lớn cho việc cung cấp nguyên vật liệu đầu vào. Sản phẩm khi qua giai đoạn chế biến tạo hình (gạch mộc) được phơi đảo cũng

sẽ gặp khó khăn vì diện tích phơi đảo gạch trong nhà không đủ chứa số lượng sản xuất ra.

- Công ty đã có dây chuyền sản xuất tiên tiến đang hoạt động với công suất tương đối lớn, nay đầu tư thêm một dây chuyền hiện đại hơn khiến công ty gặp khó khăn về nhân lực, nhất là những lao động có tay nghề cao trong việc sản xuất các sản phẩm gốm kỹ thuật cao.

- Đặc thù của sản xuất gạch nung theo dây chuyền sản xuất thì không được phép có gián đoạn trong quá trình sản xuất nên công nhân phải làm việc thay ca (3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng). Vì vậy sẽ dẫn đến thay đổi liên tục giờ giấc sinh hoạt của công nhân trực tiếp sản xuất dưới phân xưởng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

2.1.7.3. Những kiến nghị của công ty trong những năm sau.

- Chọn các nhà cung cấp có chất lượng ổn định, để đảm bảo sản phẩm có chất lượng cao.

- Xây dựng được các nhà thu mua sản phẩm uy tín (các công trình lớn nhỏ trong khu vực Hải Phòng và các tỉnh lân cận,...)

- Xây dựng mối quan hệ tốt giữa các đại lý cấp 1, 2 bằng các chế độ ưu đãi khách hàng.

- Nâng cao tay nghề người lao động bằng cách mở lớp đào tạo ngay tại công ty hoặc cử công nhân đi tập huấn tay nghề...

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty.

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc sản xuất sản phẩm như gạch ngói xây dựng, vì thế công ty phải sử dụng một khối lượng lớn về vật liệu. Các loại nguyên vật liệu này đa dạng về chủng loại, quy cách. Sự biến động của nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, do đó đòi hỏi sự chú trọng trong việc lựa chọn phương pháp quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho hoàn toàn là do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Đất chủ yếu được mua từ các xã lân cận sau đó vận chuyển về công ty. Ngoài ra, các nguyên vật liệu khác được công ty mua từ các công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn.

Để đảm bảo tiến độ sản xuất, nguyên vật liệu cần phải được cung cấp một cách kịp thời đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng, thoả mãn cho nhu cầu sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu phải cung cấp được thông tin một cách kịp thời, có hệ thống để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, cho việc lập kế hoạch thu mua vật liệu cũng như công tác tính giá thành sản phẩm.

Gắn với những đặc điểm riêng của mình, công ty đã lựa chọn kế toán tổng hợp nguyên liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng phương pháp ghi thẻ song song.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Tuỳ từng doanh nghiệp sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau, nhưng do đặc tính sử dụng và công dụng gần như nhau trong quá trình chế biến nên nguyên vật liệu của công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc được chia thành 2 loại, đó là:

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm bao gồm: đất sét, than cám, than bùn...; chiếm 65% trong quá trình sản xuất ra sản phẩm

- Nguyên vật liệu phụ: Là những vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ làm tăng chất lượng, hoàn chỉnh sản phẩm trong quá trình sản xuất như: than dầu, than lẫn đá, bột Fric, bột Borach.

- Nhiên liệu: dầu Diezen, xăng A92, dầu CN92

2.2.2. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu, đánh giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gôm xây dựng Đá Bạc.

2.2.2.1. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu.

- Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

- Tham gia vào công tác kiểm kê và lập báo cáo nhằm giúp các nhà quản lý nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản nguyên vật liệu, các định mức dự trữ và định mức tiêu hao... áp dụng những biện pháp cụ thể nhằm theo dõi kịp thời quá trình biến động của nguyên vật liệu.

2.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty.

Khi đánh giá nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng.
- Nguyên tắc nhất quán.

2.2.3. Phương pháp xác định giá các yếu tố nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gôm xây dựng Đá Bạc.

2.2.3.1. Xác định giá thực tế của vật liệu nhập kho.

Nguồn nhập nguyên liệu của công ty nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài (mua trong nước) không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Vì là đơn vị sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá chưa có thuế GTGT.

Phần lớn, nguyên vật liệu mua ngoài theo hợp đồng kinh tế và được giao nhận tại kho, nên chi phí vận chuyển, bốc xếp do bên bán chịu. Trong trường hợp này, trị giá vốn thực tế nhập kho là giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế GTGT.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực} \\ \text{tế nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá mua ghi trên hóa} \\ \text{đơn (chưa có thuế GTGT)} \end{array}$$

Ví dụ 2.1: Căn cứ vào HĐGTGT số 000539 của Công ty TNHH Thanh Tuyên, ngày 02/12/2013 bán 3000 m³ đất sét:

Giá chưa có thuế : 246.000.000 đ

Thuế GTGT (thuế suất 10%) : 24.600.000 đ

Tổng giá thanh toán : 270.600.000 đ

Theo thoả thuận thì toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Với tài liệu trên, công ty tính giá thực tế nhập kho của 3000 m³ đất sét là 246.000.000 đ, tức bằng giá mua chưa có thuế GTGT.

2.2.3.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Nguyên vật liệu mua về nhập kho rồi mới đưa vào sản xuất. Để xác định trị giá vốn xuất kho của nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp "Bình quân gia quyền cả kỳ".

$$\text{ĐGBQ Cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Sau đó, căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho để tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho.

$$\text{Trị giá NVL xuất kho} = \text{ĐGBQ cả kỳ} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Ví dụ 2.3: Tháng 12/2013, công ty có tình hình nhập - xuất - tồn dầu Diesel như sau:

Số lượng tồn kho đầu tháng 12/2013: 300 lít Thành tiền: 6.450.000 đ

Trong kỳ:

Nhập kho: 4000 lít Thành tiền: 88.400.000 đ

Xuất kho: 3000 lít

Với tài liệu trên, công ty tính trị giá vốn thực tế xuất kho của nguyên vật liệu xuất kho của dầu Diesel như sau:

$$\text{ĐGBQ cả kỳ} = \frac{6.450.000 + 88.400.000}{300 + 4000} = 22.058 \text{ đ/lít}$$

Trị giá vốn thực tế của dầu Diesel xuất kho trong tháng 12/2013 là:

$$3000 \times 22.058 = 66.174.000 \text{ đ}$$

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gôm xây dựng Đá Bạc.

2.2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho....được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại,...để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng, sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, sổ nhật ký chung...

Khi nguyên vật liệu về tới công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và đối chiếu với hợp đồng đã ký với các nhà cung cấp, sau đó tiến hành các thủ tục nhập kho. Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng khi tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật liệu vào kho. Trong trường hợp nếu phát hiện vật tư kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư cùng với bộ phận KCS tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Sau đó, sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 2.2), Phòng kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3) giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng vật tư.
- Liên 2: Giao cho người giao hàng.
- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho, rồi chuyển cho kế toán để vào sổ.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGTkế toán ghi sổ nhật ký chung.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.8).

Ví dụ 2.4: Ngày 02/12/2013 công ty mua 3000 m³ đất sét của Công ty TNHH Thanh Tuyên. Đơn giá chưa có thuế GTGT 10% là 82.000 đ/tấn. Công ty chưa thanh toán.

- Hoá đơn GTGT (Biểu số 2.1);
- Phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 2.2);
- Phiếu nhập kho (Biểu số 2.3).

Ngày 02/12/2013 công ty nhận được hoá đơn GTGT của Công ty TNHH Thanh Tuyền.

Biểu số 2.1:

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/ 001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/ 13P			
Liên 2: Giao cho khách hàng		000539			
Ngày 02 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY TNHH THANH TUYỀN Đc: Xã Đức Chính - Đông Triều - Quảng Ninh. MST: 0200435056				
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>				
Họ tên người mua hàng:	Vũ Thị Nhung				
Tên đơn vị:	Công ty TNHH gôm XD Đá Bạc				
Địa chỉ:	Cụm CN Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng				
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:	MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>				
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Đất sét	m ³	3000	82.000	246.000.000
	Cộng				
Cộng tiền hàng:					246.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					24.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán					270.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ vào hóa đơn GTGT công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư:

Biểu số 2.2:

Đơn vị: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

– Thủy Nguyên – Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ HÀNG HÓA

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2013

Ban kiểm nghiệm gồm có:

1. Ông Lê Anh Đức: Cán bộ kỹ thuật
2. Ông Phạm Anh Tuấn: Thủ kho
3. Bà Lê Thị Thúy Hòa: Kế toán viên

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL theo hợp đồng	Kết quả kiểm nghiệm	
					Số lượng quy cách đúng phẩm chất	Số lượng quy cách không đúng phẩm chất
1	Đất sét	Chọn mẫu	m ³	3000	3000	0

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Sau khi kiểm nghiệm vật tư hàng hóa về nhập kho, thấy số lượng vật tư đầy đủ, đúng chủng loại theo quy cách phẩm chất.

Ngày 02 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn, phòng kế toán lập phiếu nhập kho nguyên vật liệu.

Biểu số 2.3:

CÔNG TY TNHH GỐM XD Đá Bạc	PHIẾU NHẬP KHO Ngày: 02 tháng 12 năm 2013 Số: 1144	Mẩu số 01 - VT QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	NỢ 152 CÓ 112				
Họ tên người giao hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH TUYỀN							
Theo: HĐ GTGT số 000539 ngày 02 tháng 12 năm 2013							
Lý do nhập: Đề sản xuất gạch							
Nhập tại kho: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc							
Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đất sét		m ³	3000	3000	82.000	246.000.000
	Cộng:			3000	3000	82.000	246.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng chẵn.**

Nhập, ngày **02 tháng 12 năm 2013**

Phụ trách cung tiêu (Ký, họ tên)	Người giao hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------

2.2.4.2. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Ở công ty, xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu là cho sản xuất sản phẩm, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ liên quan tới nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Các chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất nguyên vật liệu, lệnh sản xuất, phiếu xin lĩnh vật tư...

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong ngày, phân xưởng sản xuất lập "phiếu xin lĩnh vật tư" (Biểu số 2.4) hoặc "phiếu xin lĩnh vật tư theo hạn mức". Phiếu này sẽ ghi rõ họ tên người lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Ngoài ra, có thể kèm theo "phiếu lệnh sản xuất" xác định tên sản phẩm sản xuất, tổng số mẻ, và loại đóng gói bao gồm hai cột: kế hoạch và thực hiện, trên đó có chữ ký của người viết lệnh, người nhận, người giám sát sản xuất.

Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư, xét thấy nhu cầu hợp lý, kế toán sẽ viết phiếu xuất kho (biểu số 2.5, 2.6) theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể lập riêng cho từng thứ nguyên vật liệu hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Thủ kho giữ (liên gốc), làm căn cứ ghi vào sổ theo dõi dưới kho.

- Liên 2: Được gửi cho kế toán làm căn cứ ghi vào sổ.

Sau đó, thủ kho sẽ tổ chức giám sát công nhân lấy nguyên vật liệu trong kho theo yêu cầu.

Ví dụ 2.5: Ngày 05/12/2013, phân xưởng sản xuất có nhu cầu đất sét, phiếu xin lĩnh vật tư được viết như sau:

Biểu số 2.4:

Đơn vị: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 – Thủy Nguyên – Hải Phòng

ĐƠN XIN LĨNH VẬT TƯ

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc
 Phòng Kế hoạch vật tư

Tên tôi là: Nguyễn Văn Long – Tổ trưởng tổ sản xuất

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
I		Nguyên vật liệu		
1		Đất sét	m ³	1000
2				
3				
4				
5				

Thủ trưởng đơn vị **Phòng kỹ thuật** **Phụ trách bộ phận** **Người yêu cầu**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.5:

CÔNG TY TNHH GÓM XD ĐÁ BẠC	PHIẾU XUẤT KHO Ngày 03 tháng 12 năm 2013.	MẪU SỐ 02 - VT QĐ SỐ: 15/2006/QĐ-BTC NGÀY 20 THÁNG 03 NĂM 2006 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH	NỢ 621 CÓ 152				
SỐ: 1243							
Họ tên người nhận hàng: Đào Văn Toàn							
Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất							
Xuất tại kho: Nguyên vật liệu		ĐVT: đồng					
Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1,	Đất sét		m ³	1000	1000		
	/						
	Cộng:			1000	1000		
Tổng số tiền (viết bằng chữ):							
Ngày 03 tháng 12 năm 2013 ...							
Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)			

Biểu số 2.6:

CÔNG TY TNHH GÓM XD ĐÁ BẠC	PHIẾU XUẤT KHO Ngày..05..tháng..12..năm..2013.	Mẫu số 02 - VT QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	NỢ..621... CÓ 152				
SỐ: 1249							
Họ tên người nhận hàng: Đào Văn Toàn							
Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất							
Xuất tại kho: Nguyên vật liệu		ĐVT: <i>đồng</i>					
Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1,	Đất sét		m ³	500	500		
	/						
	Cộng:			500	500		
Tổng số tiền (viết bằng chữ):				Ngày 05 tháng 12 năm 2013			
Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)			

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán công ty trong việc quản lý vật tư. Mà ở đó, thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng, còn kế toán kiểm soát cả về mặt số lượng và giá trị.

Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp, đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu.

Quá trình nhập xuất của công ty lại diễn ra thường xuyên, liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

- Ở kho:

Thủ kho sử dụng Thẻ kho (Biểu số 2.7) để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập (xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập kho (xuất kho) thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào Phiếu nhập kho (Phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho thủ kho ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau khi được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết (Biểu số 2.8) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu

xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT(của người bán), các chứng từ khác liên quan để tính ra “Đơn giá” và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.8). Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty theo phương pháp thẻ song song. Cụ thể là :

+ Ở kho: Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Danh điểm vật tư là mã số chi tiết cho từng loại vật tư.

Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi các chứng từ nhập - xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập - xuất cho từng thứ vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó tiến hành đối chiếu:

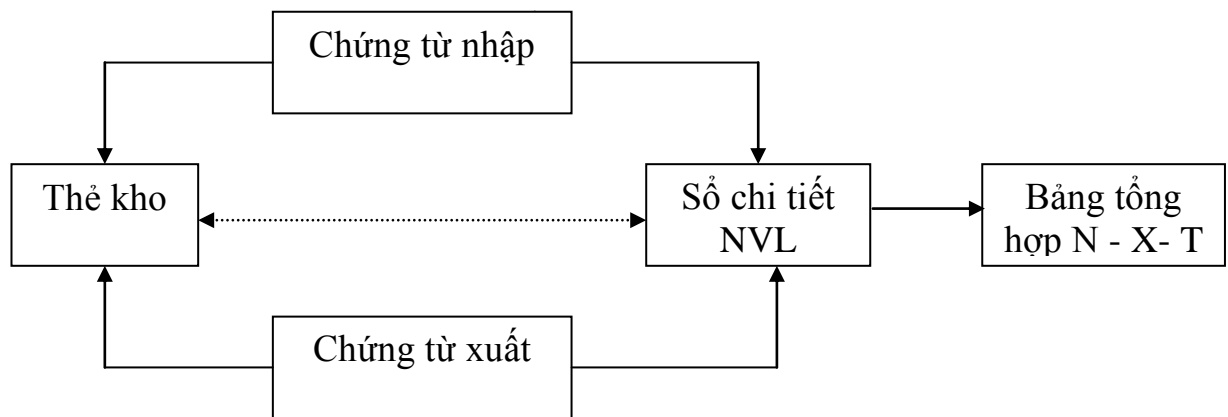
+ Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.

+ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp chi tiết vật liệu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

+ Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Có thể khái quát nội dung, trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-.-.-> Kiểm tra, đối chiếu

Ví dụ 2.6: Căn cứ vào phiếu nhập số 1144, phiếu xuất 1243 và các phiếu nhập, phiếu xuất đất sét trong tháng 12/2013, thủ kho ghi thẻ nguyên liệu đất sét.

Biểu số 2.7:

Công ty TNHH Gôm xây dựng Đá Bạc
 KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S12 - DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/03/2006

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2013

Tờ số: 05

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Đất sét.

Đơn vị tính: m³

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Chữ kí xác nhận của kế toán
	Ngày	Số			Nhập	Xuất	Tồn	
			<u>Dư đầu tháng</u>				460	
1	02/12	1144	Nhập kho	02/12	3000		3460	
2	03/12	1243	Xuất kho sản xuất	03/12		1000	2460	
3	05/12	1249	Xuất kho sản xuất	05/12		500	1960	
...
			Cộng số phát sinh		16000	10000		
			<u>Dư cuối tháng</u>				6460	

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.8:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S10- DN
 QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Năm: 2013

Đơn vị tính: m³

Tên vật liệu: Đất sét - Tài khoản: 152

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<u>Tồn ngày 30/11</u>		<u>80.000</u>					<u>460</u>	<u>36.800.000</u>
		Phát sinh trong kỳ								
HD 000539	02/12	Mua đất sét thanh toán bằng TGNH	112	82.000	3000	246.000.000				
PX 1243	03/12	Xuất kho phục vụ sản xuất sp	621				1000			
PX 1249	05/12	Xuất kho phục vụ sản xuất sp	621				500			
			
PX 1332	31/12	Xuất kho phục vụ sản xuất sp	621	82.309			500	41.154.500		
		Cộng phát sinh			16000	1.318.000.000	10000	823.090.000		
		<u>Tồn ngày 31/12</u>							<u>6460</u>	<u>531.710.000</u>

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với sổ trên thẻ kho, nếu khớp nhau (về số lượng) thì các số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để lập "Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu" (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.9:

Đơn vị: Công ty TNHH Gốm XD Đá Bạc

Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CCDC, SP HH

Từ ngày 01/12/2013 đến ngày 31/12/2013

TK: 152

ĐVT: *đồng*

Danh điểm NVL	Tên NVL	ĐVT	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Đất sét	m ³	460	36.800.000	16000	1.318.000.000	10000	823.090.000	6460	531.710.000
2	Dầu diesel	Lít	300	6.450.000	4000	88.400.000	3000	66.174.000	1300	28.676.000
3	Dầu thủy lực	Lít	100	3.314.500	5000	162.650.000	2000	65.084.000	3100	100.880.500
4	Than pha	Tấn	100	98.619.600	1000	990.000.000	500	494.827.000	600	593.792.600
5	Xi than	m ³	300	75.010.800	1000	250.000.000	800	200.006.400	500	125.004.400
6	Bã xít phụ phẩm	Tấn	300	46.338.900	2000	311.000.000	1000	155.365.000	1300	201.973.900
7								
8								
	Tổng cộng			866.533.000		4.120.050.500		3.404.546.000		1.582.037.500

2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

Hiện nay, công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc đang áp dụng kế toán tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tức là việc ghi chép tính toán tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên liên tục. Và trong quá trình hạch toán kế toán công ty cũng sử dụng các tài khoản có liên quan đến tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp này.

2.2.6.1. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

a. Tài khoản sử dụng

Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK sau:

TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

+ TK 111: Tiền mặt.

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

+ TK 331: Phải trả cho người bán.

+ TK.....

- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

+ TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ TK 627: Chi phí sản xuất chung.

+ TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang.

+ TK.....

b. Sổ sách sử dụng

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này, bao gồm:

- Sổ cái TK 152- Nguyên liệu, vật liệu.
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư, các bảng tổng hợp chứng từ gốc...

2.2.6.2. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

Do nguyên vật liệu của công ty được nhập hoàn toàn từ mua ngoài nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty và các nhà cung cấp vật tư. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó, công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

Ví dụ 1: Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

Ngày 08 tháng 12 năm 2013, công ty mua 1000 tấn xỉ than của công ty TNHH Hải Hà theo hoá đơn GTGT 066716. Tổng số tiền thanh toán là 275.000.000 đồng. Trong đó, đơn giá mua chưa có VAT 10% là 250.000đ/tấn, công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 066716 (Biểu số 2.10):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, lệnh chi (Biểu số 2.11) của ngân hàng để định khoản.

- Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), từ sổ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 152 (Biểu số 2.13).

Biểu số 2.10:

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/ 13P
Liên 2: Giao cho khách hàng		066716
Ngày <u>08</u> tháng <u>12</u> năm <u>2013</u>		
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY TNHH Hải Hà	
Địa chỉ:	Đc: Thủy Đường - Thủy Nguyên - Hải Phòng	
Số tài khoản:	MST: 0200237005	
Điện thoại:	MS	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
Họ tên người mua hàng:	Hà Thị Lê	
Tên đơn vị:	Công ty TNHH gôm XD Đá Bạc	
Địa chỉ:	Cụm CN Gia Minh - Thủy Nguyên - Hải Phòng	
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán:	CK	MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Xi than	m ³	1000	250.000	250.000.000
	Cộng				
Cộng tiền hàng:					250.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 25.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					275.000.000

Số tiền viết bằng chữ: **Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn.**

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
--	--	---

Biểu số 2.11:

NGÂN HÀNG TECHCOMBANK HẢI PHÒNG

Liên 1/copy 1

Số /No: 08R18

LỆNH CHI

PAYMENT ORDER

Ngày /Date: 08/12/2013

Đơn vị trả tiền /Payer: Công ty TNHH Hải Hà
Tk nợ / Debit AC : 102010000207186
Ngân hàng / With bank : Techcombank Hải Phòng .
Số tiền bằng chữ : Hai trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn.

Số tiền bằng số 275.000.000
--

Tên đơn vị trả / Payee : Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
Tk có / order /AC : 3408659
Tại ngân hàng /With bank : Techcombank Hải Phòng
Nội dung : Trả tiền mua hàng.

Ngày hạch toán / Date counting date: 08/12/2013

Đơn vị trả tiền / Payer

Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Kế toán	Chủ tài khoản
Teller	Supervisor	Accountant	A/C holder

(Mẫu số 07/NHCT 13)

Biểu số 2.12:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN Xã Gia Minh - Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03a - DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2013

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				1.067.500.450	1.067.500.450
...		
02/12	HD 000539	02/12	Mua đất sét chưa thanh toán	✓		152	246.000.000	
				✓		1331	24.600.000	
				✓		331		270.600.000
03/12	PC 1819	03/12	Chi tiền tạm ứng cho Đương	✓			3.000.000	
				✓		1111		3.000.000
03/12	HD 006719	03/12	Mua than pha, chưa thanh toán (Cty TNHH Hải Hà)	✓		152	990.000.000	
				✓		1331	99.000.000	
				✓		331		1.089.000.000
04/12	PC 1820	04/12	Chi tiền tiếp khách	✓		642	2.000.000	
				✓		1111		2.000.000
04/12	HD 006692	04/12	Mua bã xít phụ phẩm chưa thanh toán (Cty Hòa Lâm)	✓		152	77.750.000	
				✓		1331	7.775.000	
				✓		331		85.525.000
08/12	HD 066716	08/12	Mua xỉ than, thanh toán bằng TGNH (Cty Hải Hà)	✓		152	250,000,000	
				✓		133	25,000,000	
				✓		1121		275,000,000
09/12	PC 1822	09/12	Chi trả tiền bã xít phụ phẩm	✓		331	85.525.000	
				✓		1121		85.525.000
10/12	HD 006736	10/12	Mua bổ sung bã xít phụ phẩm (Cty Hòa Lâm)	✓		152	15,550,000	
				✓		1331	1,555,000	
				✓		1111		17.105.000

11/12	HĐ 038990	11/12	Mua dầu Diesel chưa thanh toán (Cty xăng dầu Lưu Kiếm)	✓		152	88,400,000	
				✓		1331	8,840,000	
				✓		331		97,240,000
31/12	PX 1243	03/12	Xuất đất sét cho sản xuất	✓		621	82.309.000	
				✓		152		82.309.000
31/12	PX 1244	05/12	Xuất dầu diesel phục vụ phân xưởng sản xuất	✓		621	28.400.000	
				✓		152		28.400.000
...		
31/12	PX 1295	31/12	Xuất đất sét cho sản xuất	✓		621	41.154.500	
				✓		152		41.154.500
...					
			Cộng phát sinh				8.520.345.566	8.520.345.566

-Số này có ... trang , đánh số từ trang 01 đến trang ...

-Ngày mở sổ: 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013

SHTK: 152

Tên TK: Nguyên vật liệu

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SỔ NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư 30/11</u>				<u>866.533.000</u>	
			Phát sinh trong kỳ					
							
02/12	HĐ 000539	02/12	Mua đất sét của công ty Thanh Tuyên chưa thanh toán			331	246,000,000	
03/12	HĐ 006719	03/12	Mua than pha của công ty TNHH Hải Hà chưa thanh toán			331	990,000,000	
04/12	HĐ 006692	4/12	Mua bã xít phụ phẩm chưa thanh toán (Cty Hòa Lâm)			331	77.750.000	
08/12	HĐ 066716	08/12	Mua xỉ than, thanh toán bằng chuyển khoản			1121	250,000,000	
10/12	HĐ 006736	10/12	Mua bổ sung bã xít phụ phẩm			1111	15.550.000	
11/12	HĐ 038990	11/12	Mua dầu Diesel của Công ty xăng dầu Lưu Kiếm chưa thanh toán			331	88,400,000	
...					
31/12	PX 1243	03/12	Xuất đất sét cho sản xuất			621		82.309.000
31/12	PX 1244	05/12	Xuất dầu Diesel phục vụ phân xưởng sản xuất			627		28.400.000
..					
31/12	PX 1295	31/12	Xuất đất sét cho sản xuất			621		41.154.500
			Cộng phát sinh				4.120.050.500	3.404.546.000
			<u>Số dư 31/12</u>				<u>1.582.037.500</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Trích năm 2013)

Ví dụ 2: Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt.

Ngày 10/12/2013, công ty mua thêm 100 tấn bã xít phụ phẩm của công ty Hòa Lâm, thanh toán ngay bằng tiền mặt. Căn cứ vào HĐGTGT số 066736 có:

Giá chưa thuế: 15.550.000

Thuế GTGT(Thuế suất 10%): 1.555.000

Tổng giá thanh toán: 17.105.000

Theo thoả thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 066736 (Biểu số 2.14):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để lập phiếu chi (Biểu số 2.15) .

- Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, phiếu chi mở sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.14:

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/ 13P		
Liên 2: Giao cho khách hàng			066736		
Ngày <u>10</u> tháng <u>12</u> năm <u>2013</u>					
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY SX VÀ TM HÒA LÂM				
Địa chỉ:	Đc: Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng				
Số tài khoản:	MST: 0200110452				
Điện thoại:	MS	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
Họ tên người mua hàng: Hà Thị Lê					
Tên đơn vị: Công ty TNHH gốm XD Đá Bạc					
Địa chỉ: Cụm CN Gia Minh - Thủy Nguyên - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Bã xít phụ phẩm	Tấn	100	155.500	15.550.000
	Cộng				
Cộng tiền hàng:					15.550.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.555.000
Tổng cộng tiền thanh toán					17.105.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.15:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH GÓM XD ĐÁ BẠC** Số: PC 2289
Địa chỉ: Cụm CN xã Gia Minh- Thủy Nguyên - HP Nợ: 152
Mã số thuế: 0200744804 Nợ: 133
Tel: (031) 3693279 Có: 1111

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Họ và tên người nhận Nguyễn Thị Hiền
Địa chỉ (tên) Công ty Sản xuất và Thương Mại Hòa Lâm
Lý do chi Chi trả tiền mua bã xít phụ phẩm
Số tiền **17.105.000**
Bằng chữ Mười bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn.
Kèm theo 01 chứng từ gốc
GGT (CMT) số: Ngày: *10 tháng 12 năm 2013*

Thủ trưởng đơn vị **Kế toán trưởng** **Người lập biểu**
(Ký, họ tên, đóng (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)
dấu)

Đã nhận đủ số tiền: **Mười bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn.**
(bằng chữ)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Ngày 10 tháng 12 năm 2013
Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

2.2.6.3. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Việc xuất dùng nguyên vật liệu chủ yếu là phục vụ nhu cầu sản xuất. Tùy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng vào bên có TK 152 và vào bên nợ của các TK có liên quan.

Để xác định trị giá vốn xuất kho của nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp "Bình quân gia quyền cả kỳ". Theo phương pháp này, trị giá vốn xuất kho sẽ được tính vào thời điểm cuối mỗi tháng, theo công thức:

$$\text{ĐGBQ Cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Sau đó, căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho để tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho.

$$\text{Trị giá NVL xuất kho} = \text{ĐGBQ cả kỳ} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Ví dụ: Tháng 12/2013, công ty có tình hình nhập - xuất - tồn Đất sét như sau:

Số lượng tồn kho đầu tháng 12/2013: 460 m³ Thành tiền: 36.800.000 đ

Trong kỳ:

Nhập kho: 16000 m³ Thành tiền: 1.318.000.000 đ

Xuất kho: 10000 m³

Với tài liệu trên, cuối tháng (31/12) kế toán tính trị giá vốn thực tế xuất kho của nguyên vật liệu xuất kho của dầu Diesel như sau:

$$\text{Đơn giá BQGQ cả kỳ} = \frac{36.800.000 + 1.318.000.000}{460 + 16000} = 82.309 \text{ đ/m}^3$$

Trị giá vốn thực tế của Đất sét xuất kho trong tháng 12/2013 là:

$$10000 \times 82.309 = 823.090.000 \text{ đ}$$

Sau khi trị tính giá NVL xuất kho cuối kì, kế toán vào sổ cái các tài khoản chi phí (biểu số 2.16; 2.17).

Biểu số 2.16:

Công ty TNHH Gôm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013

SHTK: 621

Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SỔ NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Số trang	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư 30/11</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
			Phát sinh trong kỳ					
...
31/12	PX 1243	03/12	Xuất kho đất sét phục vụ sản xuất sản phẩm			152	82.309.000	
31/12	PX 1245	05/12	Xuất kho than pha phục vụ sản xuất sản phẩm			152	98.965.400	
31/12	PX 1249	05/12	Xuất kho đất sét phục vụ sx sp			152	41.154.500	
31/12	PX 1252	06/12	Xuất kho xi than phục vụ sx sp			152	25.000.800	
31/12	PX 1253	08/12	Xuất kho bã xít phụ phẩm phục vụ sx sp			152	15.536.500	
...
31/12	PX 1295	31/12	Xuất kho đất sét phục vụ sx sp			152	123.463.500	
...
			Cộng phát sinh				2.100.465.100	2.100.465.100
			<u>Số dư 31/12</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Trích năm 2013)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013
 SHTK: 627
 Tên TK: Chi phí sản xuất chung

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SỐ NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Số trang	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư 30/11</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
			Phát sinh trong kỳ					
							
31/12	PX 1218	01/12	Xuất kho dầu Diesel cho phân xưởng sản xuất			152	19.852.200	
31/12	PX 1244	05/12	Xuất kho dầu Diesel phục vụ phân xưởng sản xuất			152	28.400.000	
31/12	PX 1246	05/12	Xuất kho Xăng CN92 cho phân xưởng sản xuất			152	14.880.500	
...					
31/12	PX 1295	30/12	Xuất kho dầu Diesel cho phân xưởng sản xuất			152	22.058.000	
							
			Cộng phát sinh				990.750.200	990.750.200
			<u>Số dư 31/12</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)
 (Trích năm 2013)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Cuối tháng, căn cứ vào sổ cái các tài khoản cho phí, kế toán lập bảng phân bổ vật liệu. Số liệu trên hàng tổng cộng của bảng phân bổ nguyên vật liệu (Biểu số 18) được đối chiếu khớp với số liệu trên dòng xuất của bảng tổng hợp chi tiết vật tư.

Biểu số 2.18:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc

Mẫu số 07-VT

Cụm CN Xã Gia Minh – Thủy Nguyên - Hải Phòng

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

BẢNG PHÂN BỔ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ghi có TK 152	
	Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các TK)	TK 152
I	TK 621	2.100.465.100
	Xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm	2.100.465.100
II	TK 627	990.750.200
	Xuất NVL phục vụ sản xuất	990.750.200
II	TK 641	170.330.440
	Xuất NVL phục vụ bán hàng	170.330.440
III	TK 642	142.000.260
	Xuất NVL phục vụ quản lý DN	142.000.260
	Tổng cộng	3.404.546.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN
VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH GÓM XÂY DỰNG ĐÁ BẠC****3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.**

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc gặp không ít các khó khăn, thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm, làm cho cung vượt quá cầu. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường. Có được những thành tích này là nhờ vào bộ máy điều hành và quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán công ty nói riêng.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác kế toán tại công ty và trên cơ sở những kiến thức đã được học, sự vận dụng lý luận vào thực tiễn, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng ở công ty đã đạt được những kết quả tích cực và cũng còn một số mặt hạn chế.

3.1.1. Ưu điểm.

- Về công tác tổ chức kế toán nói chung:

+ Trong công tác kế toán, công ty đã xây dựng cho mình một đội ngũ kế toán viên vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác kế toán, luôn áp dụng chế độ kế toán hiện hành kịp thời. Công việc kế toán được phân công cụ thể, phù hợp với trình độ nhân viên kế toán, từ đó tạo điều kiện phát huy và nâng cao trình độ kiến thức cho từng người. Chính điều này tạo ra một bộ máy kế toán được tổ chức một cách gọn nhẹ, chặt chẽ, khoa học, tận dụng được hết khả năng của từng nhân viên kế toán đồng thời tăng thêm thu nhập cho từng người.

+ Việc tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung là mô hình đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác kiểm tra, xử lý, cung cấp thông tin giúp ban lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

+ Các quy định mới về kế toán do nhà nước ban hành đều được công ty cập nhật và vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị.

+ Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ phù hợp với quy mô và đặc điểm sản xuất.

- Về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu:

+ Công ty đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế và tính giá xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ. Việc đánh giá như vậy là hợp lý.

+ Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu.

+ Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được giá trị nhập, xuất, tăng, giảm, hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy, công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

+ Trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, giữa phòng kế toán và thủ kho có sự phối hợp chặt chẽ: Thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết nguyên vật liệu trên các thẻ kho, kế toán theo dõi chi tiết trên các sổ chi tiết nguyên vật liệu; hàng tuần nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.

+ Vấn đề kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện tốt. Cuối mỗi tháng, kế toán vật tư đều đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết nguyên vật liệu với số liệu trên thẻ kho, giữa sổ cái tài khoản 152 với bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu.

3.1.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại.

Bên cạnh những những ưu điểm cơ bản, trong quá trình quản lý và sử dụng kế toán nguyên vật liệu còn một số hạn chế sau:

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu.

+ Khâu thu mua và vận chuyển: Nguyên vật liệu chủ yếu được nhập từ các địa phương lân cận, nên việc vận chuyển tốn kém ít chi phí. Tuy nhiên, đôi khi chỉ tiêu về chất lượng vẫn không đáp ứng được yêu cầu của công ty.

+ Khâu sử dụng: việc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp vẫn chưa hiệu quả, còn gây nhiều lãng phí, chưa tận dụng được các phế liệu. Bởi chưa có chính sách quản lý việc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp một cách hợp lý. Chưa tạo được đức tính tiết kiệm trong việc sử dụng nguyên vật liệu của công nhân.

+ Khâu dự trữ, bảo quản: Công ty hiện tại đang có 02 kho đựng nguyên vật liệu dự trữ. Tuy nhiên, cũng có thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì hai kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó, nhiều nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng của thời tiết như: mưa, gió, bão...thì không được che đậy cẩn thận sẽ dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị và giảm chất lượng.

Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho chưa thật hợp lý bởi nhiều khi một loại nguyên vật liệu lại được để ở kho khác nhau, do nhiều thủ kho quản lý. Đến cuối tháng, khi kế toán tiến hành tổ chức đối chiếu số liệu với thủ kho sẽ bị mất nhiều công sức bởi cùng một loại nguyên vật liệu phải đợi số liệu tổng hợp từ nhiều kho gửi lên thì mới có thể tổng hợp được số liệu kế toán.

+ Nhân viên chưa phát huy được hết tính sáng tạo, vẫn còn thái độ ỷ lại trong việc sử dụng nguyên vật liệu.

+ Công tác kiểm nghiệm vật tư: Công ty hiện đã có tổ KCS riêng nhưng việc bố trí các nhân viên KCS trong quá trình quản lý và bảo quản nguyên vật liệu chưa nhiều. Khi nguyên vật liệu về tới công ty, thường thì không có bộ phận KCS đứng giám sát kiểm tra chất lượng lô hàng ngay cùng với thủ kho, mà chỉ có nghi ngờ phát hiện những lô hàng nào không đúng phẩm cách thì mới tổ chức tiến hành cùng phòng kỹ thuật vật tư kiểm tra. Cách này chưa thực sự khoa học và phát hiện kịp thời ngay được các lô hàng kém chất lượng.

+ Phương pháp kiểm nghiệm chất lượng: Do số lượng nguyên vật liệu nhập kho của công ty tương đối lớn, vì vậy công ty đang áp dụng phương pháp kiểm nghiệm là phương pháp chọn mẫu. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm là có thể phản ánh không chính xác về chất lượng nguyên vật liệu nhập kho. Nhất là trường hợp mua nguyên vật liệu từ nhiều nhà cung ứng khác nhau.

- Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

+ Về phân loại nguyên vật liệu: Doanh nghiệp có phân chia thành 2 loại nguyên vật liệu, đó là, nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Tuy nhiên, khi hạch toán thì kế toán chỉ sử dụng 1 loại tài khoản, TK152 - nguyên vật liệu, dùng chung cho cả hai loại trên.

+ Việc hạch toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu: Đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng vật liệu cao hoặc một loại vật liệu nhưng có nhiều quy cách khác nhau, với đơn giá khác nhau dễ gây nhầm lẫn thì trước khi tiến hành nhập kho và viết phiếu nhập kho công ty nên tiến hành kiểm nghiệm vật tư và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên, công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa

chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa, thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phân hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phân hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy, bất kỳ một phân hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phân hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc.

Từ những kiến thức lý luận được trang bị trong nhà trường cùng với tình hình thực tế tại công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc, nên em mạnh dạn đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác nguyên vật liệu tại công ty như sau:

Thứ nhất: Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng

nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu 3.1.

Biểu 3.1:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng.....năm

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				

Ví dụ 3.1: Về tình hình nguyên vật liệu trong tháng 12 tại kho của Công ty ở mục 2.2 như sau:

Khi nhập - xuất kho nguyên vật liệu, kế toán tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; đồng thời chuyển cho thủ kho để vào thẻ kho, sau đó thủ kho lại chuyển lại cho kế toán nguyên vật liệu để vào sổ sách kế toán, thủ kho và kế toán phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của Công ty theo biểu 3.2

Biểu 3.2:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12 năm 2013

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				
...
15	02/12	PN 1144	Nhập kho đất sét	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	...
16	02/12	PN 1145	Nhập kho gang tay	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà
...
19	03/12	PX 1243	Xuất kho đất sét	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà
...
25	05/12	PX 1244	Xuất kho dầu diesel	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà
...
32	05/12	PX 1249	Xuất kho đất sét	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà
...
95	24/12	PN 1285	Nhập kho que hàn	Phòng TC-kế toán	Nguyễn Thị Hà	
...

Thứ hai: Cần phải xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được phân loại thành từng nhóm khác nhau. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu.

Xây dựng danh điểm vật tư là việc quy định những ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số kết hợp với các chữ cái thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Nguyên vật liệu của công ty là đa dạng về chủng loại nên việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán là việc làm cần thiết. Xây dựng sổ danh điểm vật tư sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Việc xây dựng danh điểm vật tư phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của công ty.

Về cách xây dựng danh điểm đối với nguyên vật liệu, có thể thực hiện bằng việc mở tài khoản chi tiết theo nội dung kinh tế của nguyên vật liệu.

Ví dụ: TK 1521-1: Đất sét
TK 1521-2: Than bùn
TK 1521-3: Than cám
.....
TK 1522-1: Bã xít phụ phẩm
TK 1522-2: Dầu thủy lực
TK 1522-3: Dầu Diesel
.....

Một khi hệ thống danh điểm vật tư được xây dựng và công ty ứng dụng tin học vào công tác kế toán thì sẽ phát huy được hiệu quả quản lý, hạch toán nguyên vật liệu.

Thứ ba: Về việc mở thêm tài khoản.

Kế toán nên mở thêm 2 tài khoản, đó là TK 1521 – Nguyên vật liệu chính (ví dụ: Đất sét, than bùn, than pha,...), để phản ánh các loại vật liệu

chính, TK 1522 - Vật liệu phụ (ví dụ: Bột Fric, bột Borach,...), để phản ánh các loại vật liệu phụ. Bởi như vậy sẽ phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong sản xuất. Ngoài ra, việc mở thêm 2 tài khoản này sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của Nhà nước.

Thứ tư: Ứng dụng phần mềm kế toán.

Nguyên vật liệu của công ty khác đa dạng về chủng loại, vì vậy, công ty nên nhanh chóng áp dụng phần mềm kế toán vào tất cả các phần hành kế toán. Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau: MISA, SASINOVA, FAST, ACMAN...

Áp dụng phần mềm tin học vào tổ chức kế toán của công ty đem lại những hiệu quả cao trong công việc như:

- + Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán.
- + Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hoá bộ máy kế toán của công ty.
- + Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao.
- + Tạo điều kiện cho Công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán.
- + Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của Công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ; đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của Nhà nước.
- + Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được nhất quán trong toàn Công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách chứng từ nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.
- + Thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Thứ năm: Về việc lập thêm các Bảng kê phiếu xuất kho

Doanh nghiệp tính giá đơn giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ; đơn giá nguyên vật liệu xuất kho chỉ được tính vào cuối mỗi tháng. Như vậy, các nghiệp vụ xuất kho phát sinh vào giữa tháng sẽ chưa được phản ánh về giá trị ngay tại thời điểm phát sinh vào sổ sách kế toán. Đến cuối tháng doanh nghiệp mới tổng hợp và ghi sổ một loạt các nghiệp vụ xuất kho. Điều này làm cho vào ngày cuối tháng, kế toán sẽ mất nhiều thời gian để ghi sổ các nghiệp vụ xuất kho từ đầu tháng. Đồng thời, trong

trường hợp với loại nguyên vật liệu được xuất nhiều lần trong tháng sẽ làm cho việc ghi sổ dài dòng, không khoa học. Tại công ty TNHH gốm xây dựng Đá Bạc, kế toán cũng đã lập Bảng kê phiếu xuất kho (biểu 3.3) cho một số nguyên vật liệu, tuy nhiên còn nhiều nguyên vật liệu khi xuất kho vẫn chưa được lập bảng kê này. Vì vậy, e xin kiến nghị công ty sẽ lập Bảng kê phiếu xuất kho cho tất cả loại nguyên vật liệu sử dụng, nhằm giảm bớt lượng nghiệp vụ ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản vào ngày cuối tháng, giúp cho việc ghi sổ khoa học và hợp lí hơn. Cụ thể như sau:

Bảng kê phiếu xuất kho được lập dựa trên các phiếu xuất kho trong kì của một loại nguyên vật liệu tương ứng, đồng thời phụ thuộc vào mục đích xuất dùng. Khoảng từ ba đến năm ngày, kế toán sẽ thu thập phiếu xuất kho của từng loại nguyên vật liệu, và ghi vào bảng sau:

Biểu 3.3:

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO

Tháng...năm...

Bảng kê số:

Ghi Nợ TK:

Tên nguyên vật liệu: Đơn vị tính:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Số lượng	Ghi chú
	Ngày	Số		
Tổng cộng				

Ví dụ 3.2: Xuất kho Đất sét tháng 12/2013

Biểu 3.4:

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO

Tháng 12 năm 2013

Bảng kê số: 01

Ghi Nợ TK: 621

Tên nguyên vật liệu: Đất sét Đơn vị tính: m³

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Số lượng	Ghi chú
	Ngày	Số		
05/12	03/12	PX 1244	1.000	
05/12	05/12	PX 1249	500	
15/12	11/12	PX 1259	1.000	
18/12	17/12	PX 1260	1.000	
....		
31/12	28/12	PX 1290	500	
31/12	31/12	PX 1295	500	
Tổng cộng			10000	

Số tiền: 10000 x 82.309 = 820.309.000 đồng

Dựa vào các bảng kê đã lập và đơn giá của mỗi loại nguyên vật liệu đã tính toán được, lập Bảng tổng hợp phiếu xuất kho (biểu 3.5):

Biểu 3.5:

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU XUẤT KHO

Số: 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ghi Nợ TK: 621

STT	Diễn giải	Bảng kê số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất kho Đất sét	01	m ³	10000	82.309	823.090.000
2	Xuất kho dầu Diesel	02	Lít	3000	22.058	66.174.000
3	Xuất kho dầu thủy lực	03	Lít	2000	32.542	65.084.000
4	Xuất kho than pha	04	Tấn	500	989.654	494.827.000
5	Xuất kho xỉ than	05	m ³	800	250.008	200.006.400
...			
Tổng cộng						2.100.465.100

Dựa vào bảng tổng hợp phiếu xuất kho, lập Phiếu kế toán (biểu 3.6)

Biểu 3.6:

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 15

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					Tk nợ	Tk có	Số tiền
1	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm	621	152	2.100.465.100			
	Cộng			2.100.465.100			

Dựa vào Phiếu kế toán, phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ vào

Sổ nhật ký chung (biểu 3.7)

Biểu 3.7:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
Cụm CN Xã Gia Minh - Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03a - DN
QĐ 15/2006- BTC
Ngày 20/3/2006

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2013

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				1.067.500.450	1.067.500.450
...
31/12	PKT 15	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm	✓		621	2.100.465.100	
				✓		152		2.100.465.100
31/12	PKT 16	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ phân xưởng sản xuất	✓		627	990.750.200	
				✓		152		990.750.200
31/12	PKT 17	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ bán hàng	✓		641	170.330.440	
				✓		152		170.330.440
31/12	PKT 18	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ quản lý doanh nghiệp	✓		642	142.000.260	
				✓		152		142.000.260
...
			Cộng phát sinh				8.520.345.566	8.520.345.566

- Số này có ... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2013

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Dựa vào Sổ nhật ký chung, lập Sổ cái các tài khoản liên quan (biểu 3.8; 3.9).

Biểu 3.8:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013

SHTK: 152

Tên TK: Nguyên vật liệu

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư 30/11</u>				<u>866.533.000</u>	
			Phát sinh trong kỳ					
							
31/12	PKT 15	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm			621		2.100.465.100
31/12	PKT 16	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ phân xưởng sản xuất			627		990.750.200
31/12	PKT 17	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ bán hàng			641		170.330.440
31/12	PKT 18	31/12	Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ quản lý doanh nghiệp			642		142.000.260
			Cộng phát sinh				4.120.050.500	3.404.546.000
			<u>Số dư 31/12</u>				<u>1.582.037.500</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Trích năm 2013)

Biểu 3.9:

Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc
 Cụm CN xã Gia Minh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03b- DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2013

SHTK: 621

Tên TK: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư 30/11</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
			Phát sinh trong kỳ					
...
31/12	PKT 15	31/12	Xuất kho NVL phục vụ sản xuất sản phẩm			152	2.100.465.100	
...
			Cộng phát sinh				2.100.465.100	2.100.465.100
			<u>Số dư 31/12</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Trích năm 2013)

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng to lớn của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy tổ chức kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng là nhu cầu tất yếu của công tác quản lý. Công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Đề tài là kết quả của sự vận dụng lý luận vào thực tế, bám sát thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị. Ba vấn đề lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phạm vi nghiên cứu đã được đề tài làm sáng tỏ đó là:

- Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất;
- Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại một doanh nghiệp sản xuất;
- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở thực tế tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại một doanh nghiệp sản xuất.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ chi dẫn tận tình của cán bộ Phòng kế toán công ty TNHH Gốm xây dựng Đá Bạc và đặc biệt là cô giáo Th.s Trần Thị Thanh Thảo trong thời gian qua đã tạo điều kiện và tận tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Anh